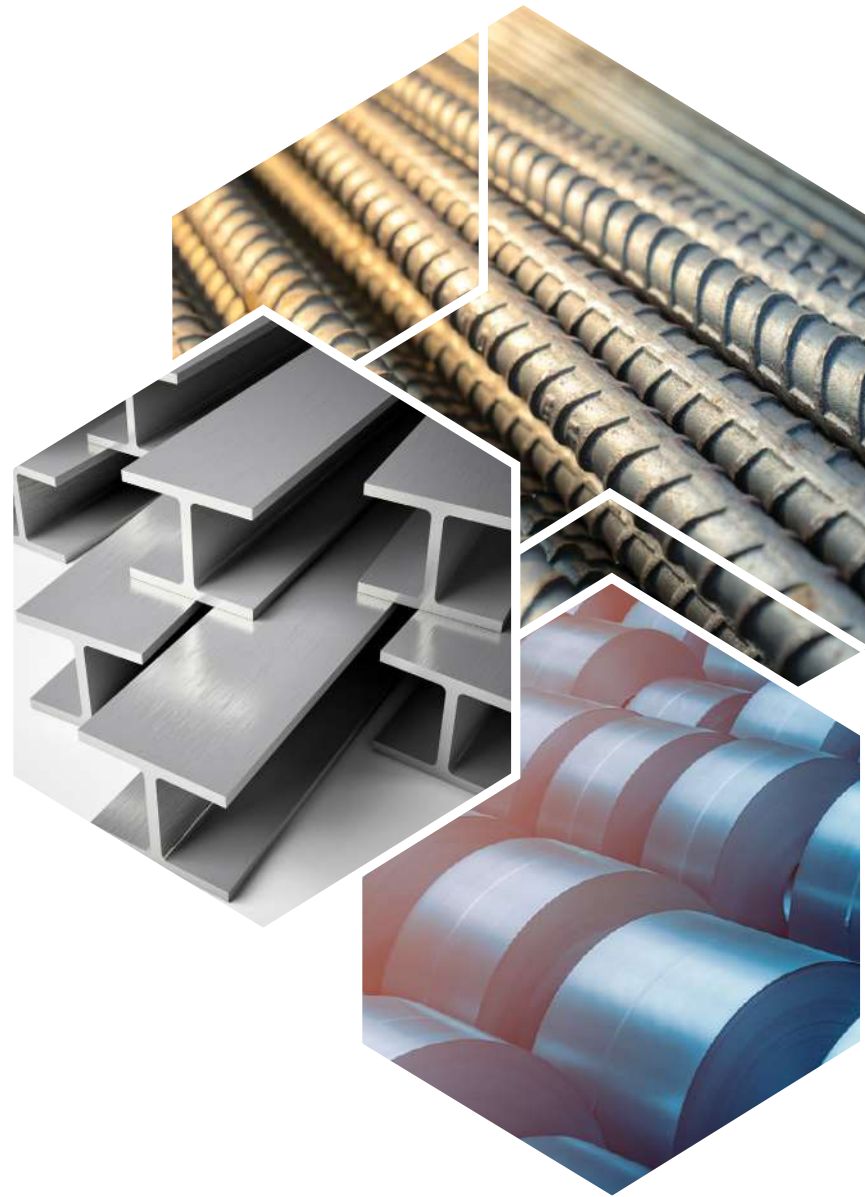


CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL

Địa chỉ: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3829.4623
Fax: (028) 3829 0403
Website: <https://metalhcm.com.vn/vi/>
Email: kimkhitp@metalhcm.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	07
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị	10
Định hướng phát triển	12
Các rủi ro	13

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	19
Tổ chức nhân sự	22
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	28
Tình hình tài chính	29
Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu	31
Trách nhiệm với môi trường cộng đồng	32

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	35
Tình hình tài chính	39
Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	42
Kế hoạch phát triển trong tương lai	43

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	47
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	47
Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành	48
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	48

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp Hội đồng quản trị và Nghị quyết/Quyết định trong năm	51
Ban Kiểm soát	53
Kiến nghị của Ban Kiểm soát	54
Đào tạo quản trị Công ty	54
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.	55

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	57
---------------------------------------	-----------



1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**

Tên tiếng Anh:

**VNSTEEL - HOCHIMINH CITY
METAL CORPORATION**

Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0300399360 thay đổi lần thứ 13
vào 01/10/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí
Minh cấp

Địa chỉ: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Vốn điều lệ :

210.000.000.000 đồng



(028) 3829.4623

(028) 3823.0078



(028) 3829 0403

(028) 38275693



kimkhitp@metalhcm.com.vn



<https://metalhcm.com.vn/vi/>



Mã cổ phiếu:

HMC



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



1975

Ngày 07/11/1975, theo Quyết định 775/VT-QĐ của Bộ Vật tư, Tổ chức quản lý Cung ứng Vật tư Kỹ thuật miền Nam được thành lập, là tiền thân của Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL.

Ngày 30/12/1975, Tổng Cục trưởng Tổng Cục kỹ thuật Vật tư miền Nam đã ra quyết định số 517/VT-QĐ về việc tách Công ty Kim khí - Thiết bị Phụ tùng thành hai công ty: Công ty Kim khí miền Nam và Công ty Thiết bị miền Nam.



1976

Ngày 04/11/1976, theo Quyết định số 827/VT-QĐ Công ty Kim khí miền Nam được đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II.



1986

Ngày 01/01/1986, Công ty Kim khí Khu vực II được đổi tên thành Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 746/VT-QĐ.



1993

Ngày 28/05/1993, theo Quyết định số 595TM/TCCB của Bộ Thương mại thì Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Kim khí - Bộ Thương mại.



2003

Ngày 12/11/2003, Bộ Công nghiệp ra quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.



2005

Ngày 07/09/2005, Công ty đã nhận được quyết định số 2841/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh thành Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh với vốn đăng ký kinh doanh là 158 tỷ đồng.



2006

Ngày 21/12/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, số cổ phiếu niêm yết là 15.800.000 cổ phiếu. Mã chứng khoán là HMC.



2008

Ngày 16/05/2008, Công ty niêm yết bổ sung 5.200.000 cổ phiếu từ đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty sau khi niêm yết bổ sung là 210 tỷ đồng.



2017

Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh công bố thông tin về việc đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Kim khí Thành Phố Hồ Chí Minh - VN-STEEL vào ngày 17/01/2017.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

STT	Năm	Hình thức khen thưởng	Thành tích	Quyết định số	Ngày ra quyết định
1	1995	Huân chương lao động hạng 3	Xuất sắc trong công tác từ năm 1990 đến 1994	467KT/CTN	25/05/1995
2	2006	Bằng khen của Bộ Công Nghiệp	Xuất sắc trong phong trào thi đua 2006	24/QĐ-BCN	02/01/2007
3	2007	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 đến 2007	732/QĐTTg	09/06/2008
4	2010	Huân chương lao động hạng 2	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến 2010.	2194/QĐ -CTN	24/11/2011
5	2011	Cờ Thi đua của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2011.	01/QĐ-BCT	03/01/2012
6	2012	Bằng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2012.	76/QĐ-BCT	07/01/2013
7	2013	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác	1741/QĐ-TTg	25/09/2013
8	2014	Bằng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2014	11989/QĐ-BCT	30/12/2014
9	2016	Bằng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016	3134/QĐBCT	31/10/2017

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh kim khí (kim loại đen, kim loại màu); vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép như: thép tấm, lá chính phẩm; thép tấm, lá sai quy cách, thép hình, thép xây dựng, phế liệu...

Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí và tổ chức các hoạt động dịch vụ, phục vụ kinh doanh.

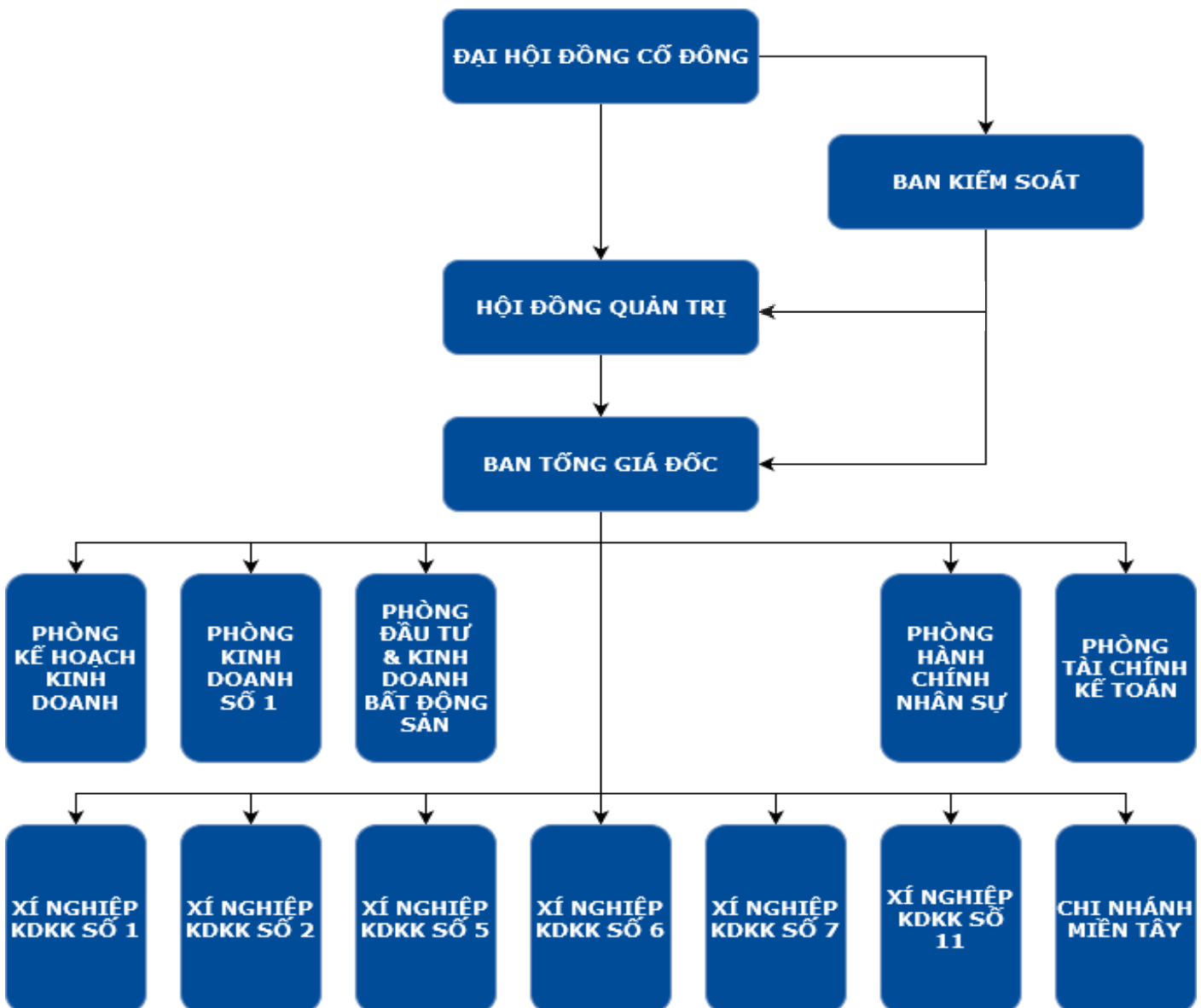
Dịch vụ: cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng

Xuất nhập khẩu các mặt hàng: kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại.

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước như Hồng Kông, Myanmar, Campuchia...

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty con, Công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL là xây dựng hệ thống thương mại hiện đại, cung cấp dịch vụ hoàn hảo, bảo đảm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

Các mục tiêu đối với cộng đồng, xã hội và môi trường

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội:

Công ty có nhiều chính sách phù hợp cho nhân viên của mình (chế độ làm việc, nghỉ phép, lễ, Tết đến điều kiện làm việc, chế độ lương thưởng) và cam kết tạo điều kiện cần thiết tưởng thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy hết khả năng của mình.

Ngoài việc tạo nhiều việc làm hơn cho mọi người thông qua quá trình tuyển dụng, toàn thể Công ty hiểu rằng phụng sự xã hội và chia sẻ với cộng đồng là trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. HMC vẫn sẽ tiếp tục đồng hành cùng những dự án cộng đồng, xã hội và nỗ lực tạo ra những sản phẩm có giá trị cao để phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Trách nhiệm đối với môi trường:

Toàn thể Công ty đã cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong công tác bảo vệ môi trường, thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, các dự án đầu tư nâng cấp cải tạo, các sáng kiến và giải pháp kỹ thuật để cải tiến quy trình công nghệ, với mục tiêu làm cho môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp hơn.

Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường.

Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường đang trở thành yêu cầu bắt buộc với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và HMC nói riêng. Ban Lãnh đạo trong những năm qua đã không ngừng huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất cải thiện môi trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty hiện hoạt động kinh doanh trên nhiều lĩnh vực:

Kinh doanh kim loại nhập khẩu: phấn đấu mỗi năm tăng trưởng từ 5% đến 10%.

Kinh doanh hàng thép xây dựng: phấn đấu mỗi năm tăng trưởng 10% trong đó tỷ trọng cung cấp vào công trình trọng điểm là trên 50%.

Xuất khẩu: phấn đấu chiếm 10% sản lượng kinh doanh.

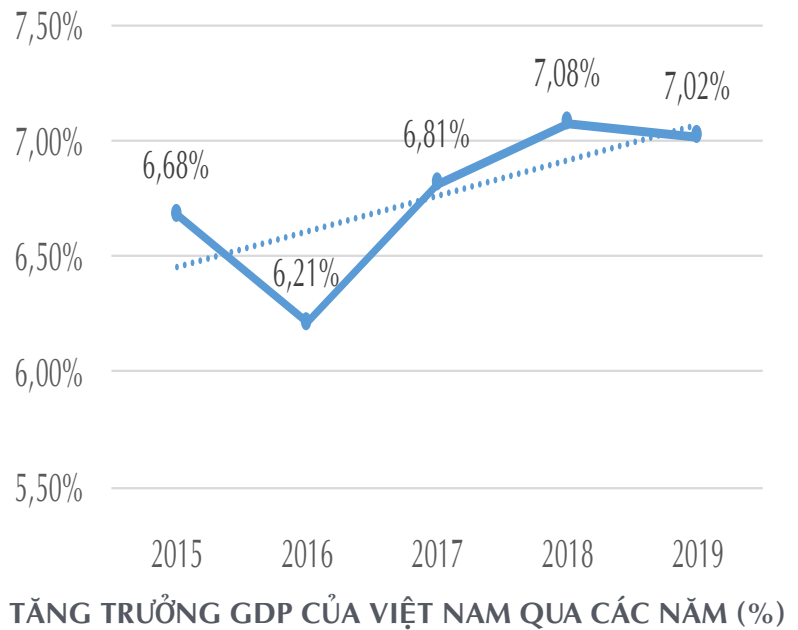
Văn phòng cho thuê: phấn đấu tỉ lệ cho thuê luôn trên 95% diện tích.

Tiếp tục tận dụng lợi thế về đất đai sẵn có, tổ chức khai thác có hiệu quả thông qua việc liên kết hợp tác đầu tư lô đất Linh Trung Thủ Đức.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm quốc nội GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt qua cả mục tiêu được đề ra ban đầu là 6,6% - 6,8%. Tính riêng ngành thép trong cả năm 2019, sản xuất đạt hơn 25 triệu tấn, tăng 4,4%; bán hàng đạt hơn 23 triệu tấn, tăng 6,4% so với cùng kỳ 2018. Đối với một quốc gia đang trong giai đoạn phát triển mạnh như Việt Nam thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng là vô cùng cần thiết, các tòa nhà cao tầng liên tục mọc lên, dẫn đến nhu cầu về nguyên vật liệu phục vụ cho việc xây dựng như sắt thép cũng tăng theo. Trong năm 2019, tuy đà tăng trưởng của ngành xây dựng vẫn đạt đến 9,1% nhưng so cùng kỳ năm 2018 thì tốc độ này đã có dấu hiệu chậm lại do sự chững lại của ngành bất động sản. Qua năm 2020, Dịch Covid - 19 ảnh hưởng mạnh đến kinh tế toàn cầu và Việt Nam, Công ty lo ngại những ngành sử dụng sắt thép nhiều như xây dựng, bất động sản sẽ tiếp tục đối mặt với một năm khó khăn nên Doanh nghiệp cần phải liên tục cập nhật những biến động mới nhất của cả nền kinh tế để từ đó có những bước đi phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực từ rủi ro kinh tế.



Rủi ro về tỷ giá

Tình hình giao dịch ngoại tệ của Công ty phần lớn là bằng Đô la Mỹ, vì vậy những biến động của cặp tỷ giá USD/VND là một rủi ro quan trọng mà Công ty cần phải đề phòng. Nhìn chung khi so với chỉ số giá USD trên thị trường quốc tế thì tỷ giá USD ở thị trường Việt Nam vẫn khá ổn định. Trong năm 2019, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã đẩy đồng USD tăng lên mức cao nhất trong 2 năm qua. Tính chung trong năm, USD đã tăng giá khoảng 1% so với các đồng tiền chủ chốt khác. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND tại thị trường Việt Nam khá ổn định, thậm chí VND còn tăng giá so với USD vào cuối tháng 11 khi Ngân hàng Nhà nước giảm giá mua vào USD. Nguy cơ trong năm 2020, đồng USD sẽ còn biến đổi nhiều do sự phức tạp của các sự kiện chính trị và dịch bệnh trên thế giới nên Công ty cần phải liên tục theo dõi các biến động về tỷ giá để đưa ra những hướng đi có lợi nhất cho doanh nghiệp.



Rủi ro về lãi suất

Trong năm 2019, lãi suất cho vay ở Việt Nam phổ biến khoảng 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn và 9% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung mặt bằng lãi suất cho vay ở nước ta trong năm nay được duy trì ổn định, thậm chí ở quý IV năm nay, Ngân hàng nhà nước Việt Nam còn có động thái giảm lãi suất điều hành từ 6,5% xuống còn 6%, động thái này được cho là sự hỗ trợ của Ngân hàng nhà nước để tạo cơ hội thuận lợi cho Doanh nghiệp phát triển trong năm tiếp theo. Đối với riêng HMC, trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty có đến hơn 40% là từ vay tài chính, do đó bất cứ một biến động nhỏ về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn nữa đặc thù của hoạt động kinh doanh thép là biên lợi nhuận rất nhỏ, nên khi lãi suất tăng cao sẽ làm chi phí lãi vay tăng cao, giảm biên lợi nhuận của Công ty. Vì thế, Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay để từ đó kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro về lãi suất.



Rủi ro biến động giá

Đặc thù của ngành thương mại thép là giá nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu giá bán. Với những sản phẩm thép của HMC, giá vốn hàng bán đã chiếm đến hơn 95% giá sản phẩm, do đó chỉ cần giá nguyên vật liệu đầu vào biến động nhỏ cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2019, giá thép thành phẩm đã giảm xuống rõ rệt bởi nguồn cung tăng cao mà nguồn cầu lại có xu hướng chậm lại. Cụ thể, ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm cho nguồn thép Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ phải dịch chuyển sang những quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, các tập đoàn sản xuất thép lớn trong nước như Hòa Phát, Hoa Sen, Nam Kim, Formosa, ... tiếp tục đưa vào hoạt động những khu liên hợp mới, làm cho nguồn cung thép trong nước càng tăng nhanh. Ngược lại nguồn cầu thép trong nước lại có xu hướng giảm xuống do ảnh hưởng từ tình hình ảm đạm của các ngành

Rủi ro tín dụng

Công ty áp dụng thực hiện chính sách bán hàng trả chậm đối với các nhóm khách hàng. Với vị thế khách hàng, chính sách tín dụng mang lại lợi ích giúp giảm áp lực thanh toán hàng hóa ngay. Tuy nhiên, với vị thế là nhà cung cấp, tín dụng bán hàng luôn tạo rủi ro khi các đối tác mất khả năng trả nợ. Để phòng ngừa rủi ro này, Công ty cho phép các đối tác mua hàng chậm trả trên cơ sở lập hồ sơ về

liên quan như xây dựng, bất động sản cộng với việc khó khăn trong khâu xuất khẩu sang thị trường Mỹ hay các nước Châu Âu. Trong năm 2020, nếu như tình hình căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục leo thang, sẽ gây ảnh hưởng nhiều đến ngành thép, do đó Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động mới nhất, từ đó đưa ra những kế hoạch hoạt động phù hợp với từng thời kỳ.

Cuối tháng 12/2019, với sự xuất hiện của một loại dịch viêm phổi cấp do chủng mới của virus corona có mức độ nguy hiểm tương tự dịch SARS, lây truyền nhanh trên diện rộng. Từ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư chung trong nước sẽ có khả năng bị trì trệ trong khoảng đầu năm tiếp theo. Nếu tình hình này kéo dài, ngành bất động sản và ngành xây dựng (chiếm tỷ trọng lớn trong việc sử dụng thép) sẽ gặp khó khăn và ảnh hưởng trực tiếp đến giá đầu ra của các sản phẩm từ HMC.

năng lực của họ, căn cứ vào các yếu tố khảo sát về năng lực tài chính, khả năng tiêu thụ, uy tín để định hạn mức nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện. Định kỳ đánh giá lại năng lực tài chính, uy tín của khách hàng, đối tác nhằm có chính sách thu hồi nợ thích hợp, áp dụng nhiều chính sách bán hàng chậm trả khác nhau cho từng loại đối tượng khách hàng.



Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty cổ phần và niêm yết tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, các hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu sự điều tiết pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thuế xuất nhập khẩu,... và các quy định khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện tại đang dần hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách là khó tránh khỏi khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty. Ví dụ điển hình là Nhà nước đã ban hành nhiều biện pháp thuế chống

bán phá giá, thuế tự vệ dành cho các mặt hàng thép được nhập khẩu vào thị trường Việt Nam để bảo hộ ngành thép trong nước trước làn sóng thép xuất xứ từ Trung Quốc. Tuy nhiên đây là một bất lợi đối với các công ty thương mại hàng nhập khẩu như HMC khi không còn nhiều sự lựa chọn sản phẩm với mức giá cạnh tranh, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Do đó, HMC luôn có sự tìm hiểu, cập nhật các văn bản quy phạm nhằm tuân thủ các quy định pháp luật và có định hướng phát triển trung và dài hạn phù hợp.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, dịch bệnh, hỏa hoạn, bão lụt, các thiên tai khác... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề

phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên cũng như khách hàng thuê văn phòng,... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.





2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường cộng đồng

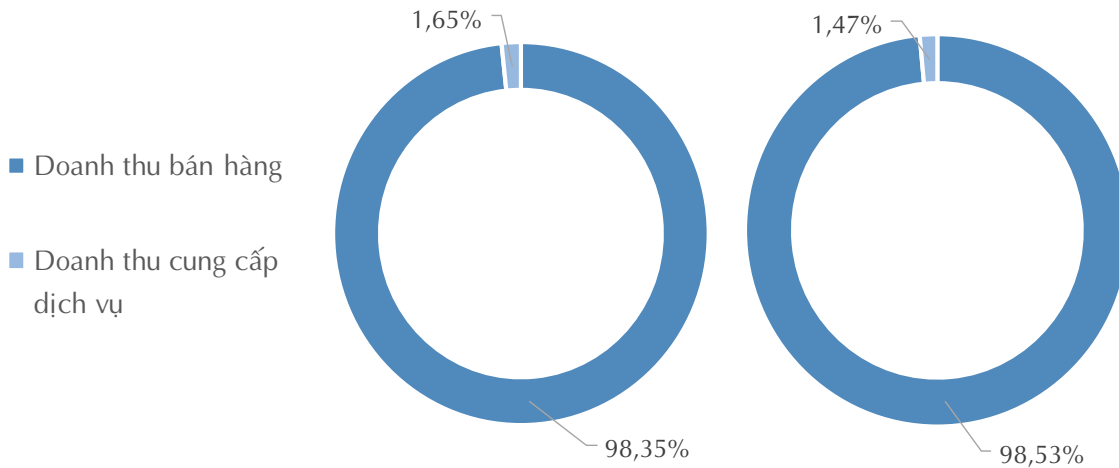
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thép nhập khẩu	1.621	43,08%	1.870	42,23%
Kim khí chính phẩm	1.044	27,74%	1.427	32,23%
Vật tư thứ liệu (SQC)	577	15,34%	443	10,00%
Thép xây dựng	1.255	33,34%	1.201	27,12%
Phôi, phế liệu	853	22,66%	1.341	30,29%
Phôi	155	4,12%	97	2,19%
Phế liệu luyện thép	698	18,54%	1.244	28,10%
Hàng hóa khác	35	0,92%	16	0,36%
Tổng cộng	3.764	100%	4.428	100%

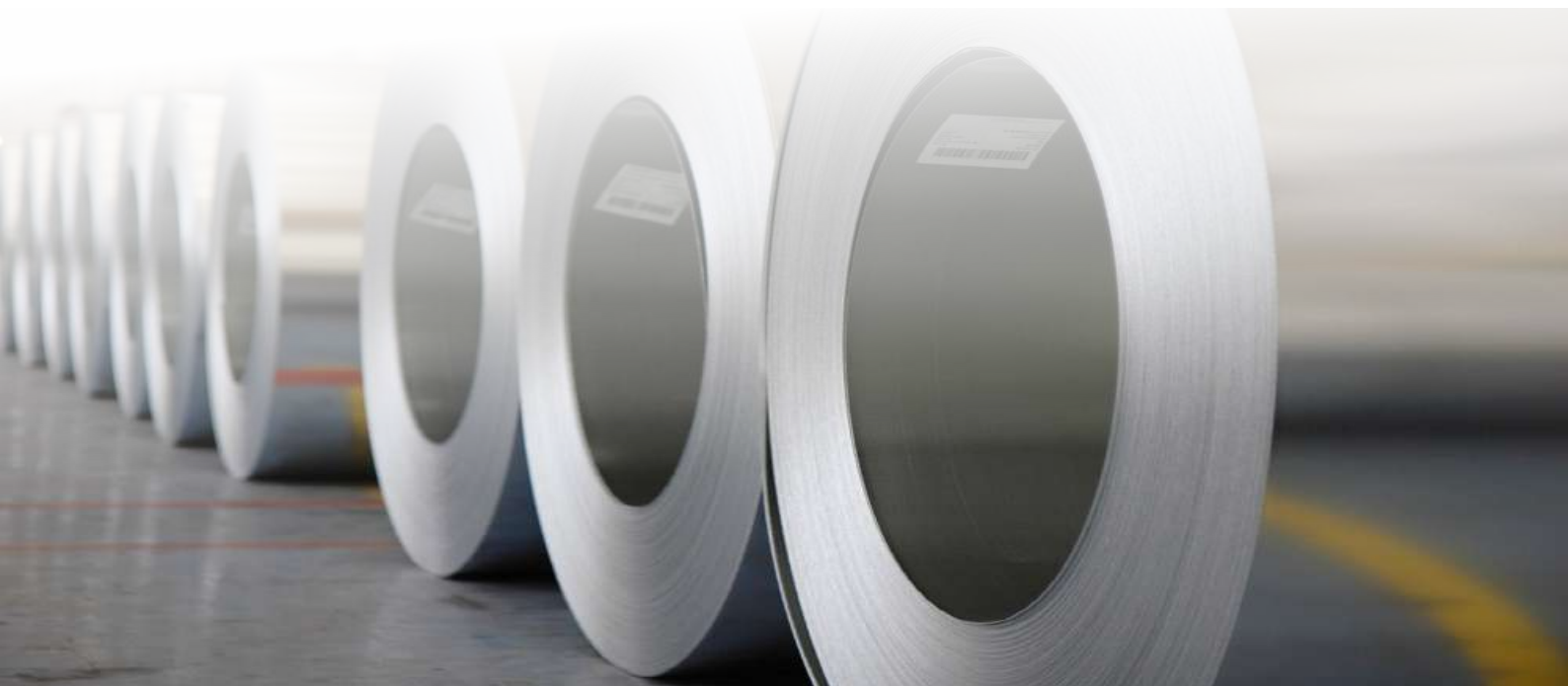
Mặc cho tình hình thị trường thép trong nước gặp khó khăn, doanh thu các sản phẩm chính của Công ty vẫn tăng trưởng. Sản lượng các mặt hàng thép nhập khẩu; phôi, phế liệu tăng lần lượt là 249 tỷ và 488 tỷ so với thực hiện ở năm 2018. Doanh thu bán hàng của thép xây dựng ổn định.

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu bán hàng	3.763.754	98,35%	4.427.787	98,53%	17,64%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.039	1,65%	66.170	1,47%	4,97%
Tổng	3.826.793	100%	4.493.957	100%	17,43%



Trong năm 2019, doanh thu thuần đạt 4.494 tỷ, tăng hơn 17% so với cả năm 2018. Trong cơ cấu doanh thu của HMC, doanh thu từ bán hàng đã chiếm đến 98,53% đạt giá trị là 4.428 tỷ đồng và tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Công ty đã chủ động đẩy mạnh việc bán hàng tồn kho để cơ cấu lại sản phẩm,

doanh thu thuần cũng tăng lên tương ứng. Bên cạnh đó, doanh thu cung cấp dịch vụ của HMC trong năm 2019 đạt 66,17 tỷ đồng, tăng thêm 4,97% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, doanh thu khai thác tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt hơn 36 tỷ đồng.



Cơ cấu lợi nhuận gộp

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Lợi nhuận bán hàng	222.485	83,78%	31.189	39,65%	-85,90%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	43.085	16,22%	47.468	60,35%	10,17%
Tổng	265.570	100%	78.657	100%	-70,38%

Nhận thấy rõ, mặc dù doanh thu thuần tăng đột biến so với 2018 nhưng kết quả lợi nhuận gộp lại không thực sự cao. Rõ nét hơn, lợi nhuận hoạt động bán hàng giảm mạnh, tương ứng giảm 85,9% thêm vào đó lợi nhuận từ việc cung cấp dịch vụ đạt 47 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng nhẹ là 10,17% so với năm 2018. Dịch vụ này chủ yếu là cho thuê kho bãi; cho thuê văn phòng.

Cơ cấu chi phí

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm
	Giá trị (triệu đồng)	So với DTT	Giá trị (triệu đồng)	So với DTT	
Giá vốn hàng bán	3.561.223	95,69%	4.415.300	98,15%	23,98%
Chi phí tài chính	35.219	0,94%	27.994	0,62%	-20,51%
Chi phí bán hàng	66.450	1,79%	41.362	0,92%	-37,71%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	58.698	1,58%	13.694	0,31%	-76,67%
Tổng chi phí	3.721.590	100,00%	4.498.350	100,00%	20,87%

Tổng chi phí trong năm 2019 của Công ty lên đến hơn 4.498 tỷ đồng, tăng 20,87% so với cùng kỳ năm 2018. Nhìn chung, ngoại trừ giá vốn hàng bán tăng thì các khoản mục chi phí còn lại trong năm 2019 đều giảm so với năm 2018. Để giảm thiểu tối đa thiệt hại từ việc giá thép bị giảm mạnh, Doanh nghiệp đã chủ động tiết giảm các loại chi phí hoạt động trong năm, cụ thể là:

Chi phí tài chính giảm từ hơn 35 tỷ xuống còn gần 28 tỷ, thấp hơn 20,51% so với cùng kỳ năm trước do chi phí lãi vay giảm xuống và giảm đi khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Chi phí bán hàng cũng giảm gần 37,71% so với năm 2018 chủ yếu là do Doanh nghiệp đã tiết giảm đi Chi phí tiền lương nhân công, ngoài ra chi phí từ dịch vụ mua ngoài cũng được giảm nhẹ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản giảm mạnh nhất trong toàn bộ cơ cấu chi phí khi giảm xuống còn 13,69 tỷ ở năm 2019, tương ứng với mức giảm lên đến 76,67% do giảm dự phòng công nợ khó đòi và các chi phí khác bằng tiền.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh thương mại sắt thép nên giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu chi phí của HMC và có tính chất quyết định đối với hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong năm 2019, sản lượng hàng hóa bán ra tăng 33% so với năm 2018, dẫn đến giá vốn của hàng hóa đã bán cũng tăng theo. Tuy nhiên, do biến động giảm mạnh giá thép trên thị trường thế giới dẫn đến giá bán giảm xuống dưới giá vốn trong một khoảng thời gian. Vì vậy, tỷ trọng của giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đã tăng từ mức 95,69% của năm 2018 lên mức 98,15% trong năm 2019, dẫn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty giảm mạnh so với năm trước.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Tính đến ngày 31/12/2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Trí Nghĩa	Tổng Giám đốc	0	0
2	Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc	53.860	0,26%
3	Lại Văn Quyền	Kế toán trưởng	0	0

Ông Võ Trí Nghĩa

Ngày sinh	11/03/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư luyện kim, Cử nhân kinh tế đối ngoại

Thời gian	Chức vụ
7/2002 - 2005	Chuyên viên kinh doanh phòng Kế hoạch Kinh doanh Tổng Công ty Thép Việt Nam
2005 - 7/2010	Chuyên viên Phòng Vật tư xuất nhập khẩu - Tổng Công ty thép Việt Nam
8/2010 - 5/2015	Trưởng phòng Vật tư - XNK, Công ty cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long
6/2011 - 7/2015	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long
7/2015 - 3/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long;
3/2016 - 9/2019	Phó Tổng giám đốc Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long
10/2019 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí TP.HCM VNSTEEL

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty:	4.676.648 cổ phần (đại diện Tổng công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần) - chiếm 22,27% vốn điều lệ.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

Ông Trương Bá Liêm

Ngày sinh	01/01/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư chế tạo máy

Thời gian	Chức vụ
Năm 1987 - Năm 1997	Cán bộ kỹ thuật, Cửa hàng phó, Cửa hàng trưởng, Phó Giám đốc Xí nghiệp thuộc Công ty Kim Khí Đà Nẵng.
Năm 1998 - Năm 1999	Giám sát kinh doanh Khu vực Miền Trung Công ty Mercedes Benz.
Năm 2001 - Năm 2003	Phó Phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty Kinh doanh thép & Thiết bị Công nghiệp.
Năm 2003 - Năm 2005	Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh thép & Thiết bị Công nghiệp, Công ty Kim Khí TP. HCM.
Năm 2016 - Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL.

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty 53.860 cổ phiếu (cá nhân) - chiếm 0,26% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan Trương Bá Thanh - Anh trai - 24.000 cổ phần tương ứng 0,11% vốn điều lệ.



Ông Lại Văn Quyền

Ngày sinh	02/09/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán

Thời gian	Chức vụ
07/2003 - 05/2006	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu.
06/2006 - 06/2008	Chuyên viên Tổng công ty XDCT giao thông 1.
07/2008 - 09/2008	Phó Phòng Tài chính kế toán, Công ty CP xây dựng công trình 675.
10/2008 - 09/2013	Kế toán trưởng Công ty CP xây dựng công trình 675.
10/2013 - 03/2016	Chuyên viên bộ phận kế toán, Công ty TNHH Thép Vinakyoiei.
4/2016 - 01/2017	Quyền phó bộ phận kế toán, Công ty TNHH Thép Vinakyoiei.
02/2017 - 06/2017	Nhân viên Phòng kế toán, Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
07/2017 - 01/2019	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
02/2019 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty	Không có
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

Thay đổi tổ chức và nhân sự

Về Tổ chức, vào tháng 09/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Đặng Huy Hiệp theo nguyện vọng cá nhân và bổ nhiệm ông Võ Trí Nghĩa giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày thay đổi	Ghi chú
1	Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc	01/10/2019	Từ nhiệm
2	Võ Trí Nghĩa	Tổng Giám đốc	01/10/2019	Bổ nhiệm
3	Võ Thị Lệ Châu	Kế toán trưởng	01/02/2019	Nghỉ hưu
4	Lại Văn Quyền	Kế toán trưởng	01/02/2019	Bổ nhiệm

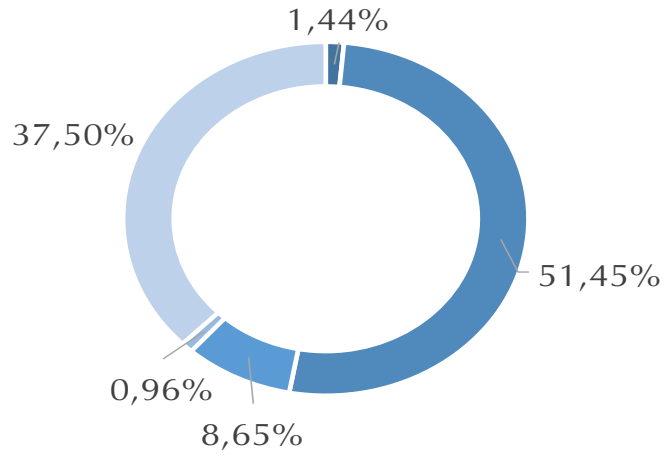
Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	208	100,00%
1	Trình độ trên đại học	3	1,44%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	107	51,45%
3	Trình độ trung cấp, sơ cấp	18	8,65%
4	Công nhân kỹ thuật	2	0,96%
5	Lao động phổ thông	78	37,50%
B	Theo loại hợp đồng lao động	208	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	137	65,86%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	24	11,54%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	47	22,60%
C	Theo giới tính	208	100,00%
1	Nam	149	71,63%
2	Nữ	59	28,37%

Thu nhập bình quân

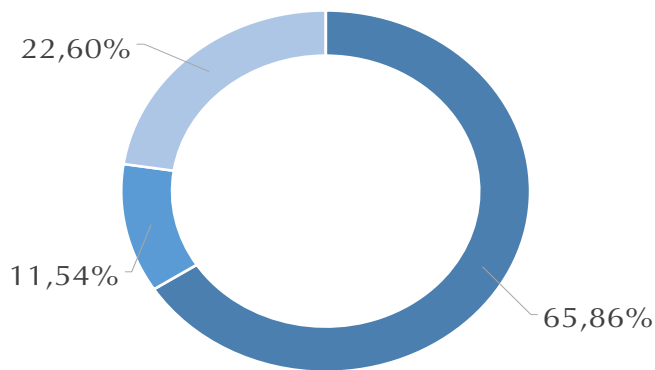
STT	Năm	Số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2016	217	9.300.000
2	2017	209	13.400.000
3	2018	213	13.500.000
4	2019	208	16.700.000

Phân loại theo trình độ lao động



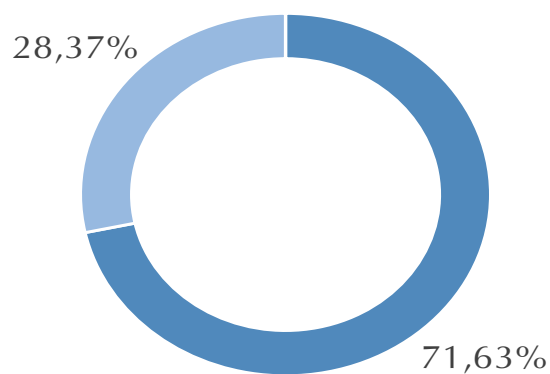
- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp, sơ cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Phân loại theo loại hợp đồng



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

Phân loại theo giới tính



- Nam
- Nữ

Chính sách nhân sự

Với chủ trương nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp. Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL.

Công tác đào tạo

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ. Công ty đã rất chú trọng đến công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là công tác đào tạo nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ cho đội ngũ bán hàng.

Điều kiện và chế độ làm việc

Đảm bảo an toàn lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty trong hoạt động thường ngày của mình. Hằng năm Công ty đều đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

Với những chính sách như trên, Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL đã tạo được sự gắn kết lâu dài với CBCNV, trong những năm qua hầu như không có sự biến động lớn nào về nhân sự của Công ty.

Chính sách tiền lương thưởng

Năm 2019, Công ty thực hiện trả lương dựa trên hệ thống trả lương cho người lao động theo phương pháp 3P, đã được xây dựng từ năm 2016, nhằm xác

lập các nguyên tắc trả lương thống nhất với từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động (NLD) làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh. Tiền lương và thu nhập của mỗi NLD phụ thuộc vào năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và tiềm năng cống hiến của NLD phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và cạnh tranh so với thị trường lao động. Thu nhập của CBCNV bao gồm: Lương cố định, Lương hiệu quả, Các khoản phụ cấp (nếu có), Tiền thưởng. Mức lương của một cá nhân phải nằm trong dải lương quy định trong hệ thống thang - ngạch lương của Công ty. Dải lương của một vị trí công việc là khoảng cách giữa mức lương thấp nhất (Min), mức lương trung bình (Average) và mức lương cao nhất (Max). Mỗi vị trí công việc có một dải lương tương ứng nằm trong thang bảng lương của Công ty.

Hệ thống thang - ngạch lương có thể được điều chỉnh, bổ sung khi có sự thay đổi từ các yếu tố bên ngoài (tốc độ lạm phát, mức lương của thị trường lao động nói chung và của ngành có liên quan nói riêng) hoặc các yếu tố bên trong (chiến lược kinh doanh, quy mô, ngân sách lương, hiệu quả kinh doanh của Công ty).

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chính sách thưởng theo hiệu quả công việc của cá nhân, theo năng suất lao động và theo lợi nhuận của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư, khai thác tài sản

Các khoản đầu tư tài chính:

Khoản góp vốn CTCP Thép Nhà Bè có giá trị đầu tư là 23 tỷ đồng, khoản trích lập dự phòng trong năm 2019 giảm xuống còn 13,68 tỷ đồng, giảm đi 17,36% so với 16,56 tỷ đồng ở năm 2018.

Khoản góp vốn đầu tư Công ty TNHH VNS Daewoo ở đầu kỳ là 21,08 tỷ đồng, nhưng do Công ty TNHH

VNS Daewoo đã thực hiện giải thể theo Quyết định của Hội đồng thành viên, ngừng hoạt động và đóng mã số thuế vào ngày 05/04/2019.

Khoản góp vốn đầu tư CTCP thép Tấm lá Thống Nhất số tiền 14 tỷ đồng, trích lập dự phòng đầu tư đến 31/12/2019 vẫn là 14 tỷ đồng.

Quản lý và khai thác tài sản

Hoạt động cho thuê tòa nhà, khai thác cho thuê kho bãi tương đối ổn định, đã đóng góp một phần vào hiệu quả của Công ty. Tổng lãi gộp năm 2019 từ mảng kinh doanh này là 47,47 tỷ đồng:

Doanh thu khai thác tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng: 36,17 tỷ đồng (bao gồm chi phí quản lý, điện, nước), tỷ lệ cho thuê đạt 100%.

Doanh thu cho thuê tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai: 15,99 tỷ đồng (cho thuê nguyên căn).

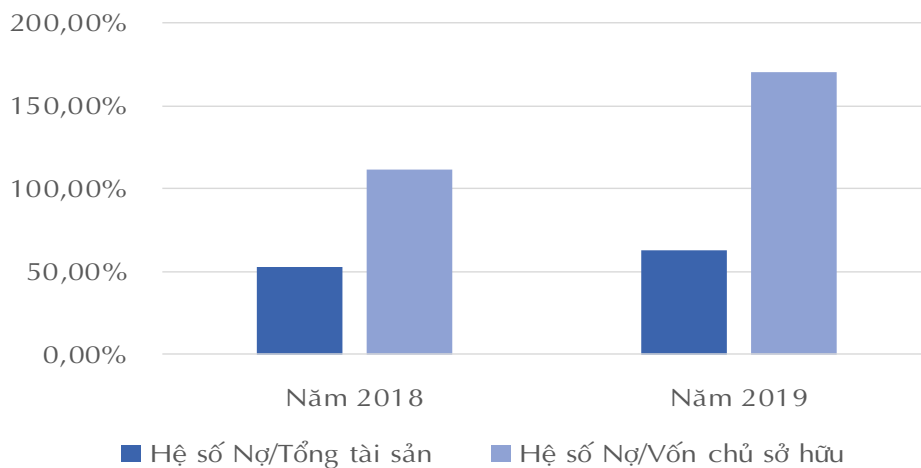
Doanh thu cho thuê kho bãi: 13,35 tỷ đồng (bao gồm chi phí điện, nước), tỷ lệ cho thuê đạt 100%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,66	1,42
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,67	0,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	52,71%	62,96%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	111,48%	170,01%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,79	9,61
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,93	4,88
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,57%	0,25%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,18%	2,95%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,08%	1,24%

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



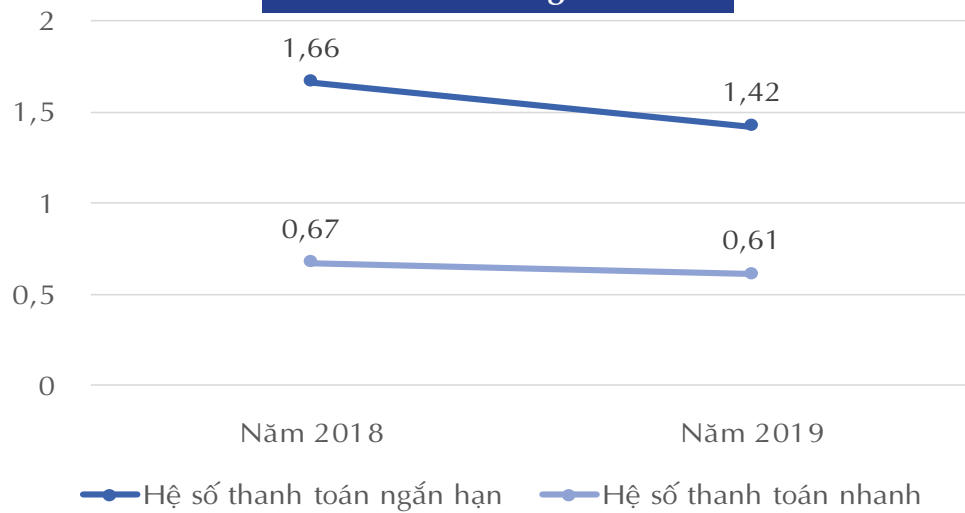
Nhìn chung, cả hai hệ số trong nhóm Chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2019 đều tăng lên so với năm 2018. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn năm nay có nhiều thay đổi rõ rệt, cụ thể ở Hệ số Nợ/Tổng tài sản trong năm 2019 đã tăng lên đến 62,96%, trong khi Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 170,01%, cao hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm 2018.

Ngoài việc Nợ phải trả trong năm 2019 của Doanh nghiệp tăng lên như đã nói thì Vốn chủ sở hữu giảm 66,42 tỷ đồng do trả cổ tức cũng như phần lợi nhuận trong năm không cao đã làm Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu trong năm tăng lên.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2019 nhìn chung đều bị giảm đi khá nhiều so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân chính dẫn đến việc này là do biên lợi nhuận trong năm 2019 của Doanh nghiệp đã bị giảm xuống rõ rệt khi giá vốn hàng bán luôn chiếm phần lớn tỷ trọng trong toàn bộ chi phí của Công ty, Công ty đã thực hiện kiểm soát tối đa các loại chi phí trong quá trình hoạt động nhưng lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp vẫn giảm hơn 88,39% so với năm 2018. Đây là nguyên nhân chính làm cho các hệ số thể hiện khả năng sinh lời của Doanh nghiệp giảm xuống đáng kể. Hệ số bị giảm nhiều nhất đó là Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, hệ số này đã giảm từ 2,57% ở năm 2018 xuống còn 0,25% ở năm 2019, tương ứng với mức giảm lên đến 90,1% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

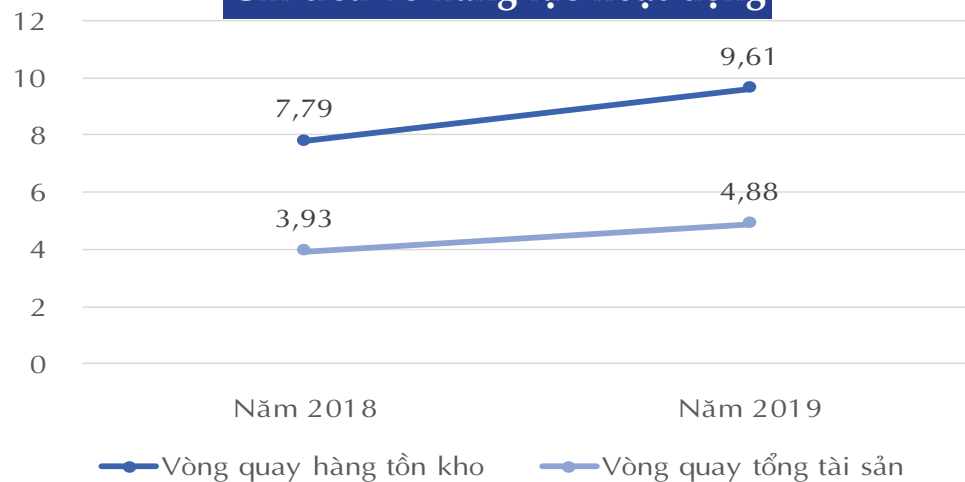


Nhận thấy, trong năm 2019, nợ ngắn hạn tăng nhiều hơn so với mức tăng của tài sản ngắn hạn khiến cho cả hai hệ số để đánh giá chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều có xu hướng giảm nhẹ so với 2018. Hệ số thanh toán ngắn hạn từ 1,66 lần ở năm 2018 đã giảm xuống chỉ còn 1,42 lần trong khi hệ số thanh toán nhanh khi giảm từ 0,67 lần xuống còn 0,61 lần ở năm 2019.

Cụ thể hơn, Nợ ngắn hạn phải trả của Doanh nghiệp tính đến cuối năm 2019 tăng lên và chiếm hơn 50%

tỷ trọng Nợ ngắn hạn phần lớn là các khoản thanh toán cho nhà cung cấp. Khoản trả trực tiếp cho người bán trong năm 2019 của Doanh nghiệp đã tăng thêm gần 70 tỷ so với năm 2018, trong đó, 68% tỷ trọng đến từ Công ty mẹ (VNSTEEL) và Công ty TNHH Cheongfuli - Hangzhou. Tính đến cuối năm, Hệ số thanh toán ngắn hạn của HMC đã giảm xuống so với cùng kỳ nhưng vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán, đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2019 có sự tăng đều ở cả Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho trong năm 2019 đã tăng lên đến 9,61 vòng cao hơn hẳn so với 7,79 vòng ở năm 2018, tương ứng với mức tăng 23,33%. Tương tự, vòng quay tổng tài sản cũng đạt đến 4,88 vòng ở năm 2019, cao hơn mức 3,93 vòng ở năm 2018. Tuy năm nay là một năm khó khăn

của toàn ngành thép nước ta nói chung vì những biến động của giá thép trên thế giới cũng như là nguồn cầu trong nước suy giảm nhưng doanh thu bán hàng của Công ty vẫn tăng lên là do sản lượng tiêu thụ thép phế liệu & thép nhập khẩu tăng so với năm 2018. Trong đó, đặc biệt là mặt hàng sắt phế liệu tăng 101,5% so với năm 2018. Từ đó, cả hai chỉ số vòng quay về năng lực hoạt động đã tăng lên tương ứng.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 21.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần

Cổ phiếu phổ thông: 21.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

(Tính đến 31/12/2019)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	798	20.546.050	205.460.500.000	97,84%
1	Cổ đông nhà nước			-	
2	Cổ đông tổ chức	5	11.902.254	119.022.540.000	56,68%
3	Cổ đông cá nhân	793	8.643.796	86.437.960.000	41,16%
II	Cổ đông nước ngoài	41	453.950	4.539.500.000	2,16%
1	Cá nhân	31	51.540	515.400.000	0,25%
2	Tổ chức	10	402.410	4.024.100.000	1,92%
III	Cổ phiếu quỹ		-	-	0,00%
	Tổng cộng	839	21.000.000	210.000.000.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của CSH Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: 0 cổ phiếu



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hiện tại, Công ty đang có 4 lĩnh vực hoạt động chính: thương mại sắt thép, gia công sắt thép, khai thác kho bãi, cho thuê văn phòng. Các hoạt động của Công ty đều có biện pháp kiểm soát chặt chẽ và tổ chức sắp xếp hợp lý để không gây lãng phí nguồn nguyên vật liệu. Công ty còn có một số giải pháp thông minh như thu gom một số nguyên liệu sau gia công vào nhà máy tái chế.

Tiêu thụ năng lượng & nước

Năng lượng

Công ty chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực thương mại và dịch vụ nên không sử dụng nhiều máy móc thiết bị. Ngoài ra việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa nhập về hoặc giao đi đến khách hàng được công ty sử dụng dịch vụ thuê ngoài với số lượng lớn cho một lần di chuyển nên chi phí nhiên liệu mà HMC trực tiếp sử dụng là không đáng kể. Vì vậy, chỉ có điện là nguồn năng lượng mà Công ty sử dụng nhiều nhất trong hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ và các hình thức khác. Trong năm, khối lượng điện mà Công ty đã sử dụng là 1.771.269 Kwh/năm. Mức tiêu thụ này được đánh giá là phù hợp đối với tình hình hiện tại của Công ty.

Nước

Nước là nguồn tài nguyên có sẵn trong thiên nhiên nhưng không vô tận. chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết. Ngoài việc tiết kiệm chi phí cho Công ty, tiết kiệm nước còn giúp ngăn ngừa cạn kiệt nguồn nước ngầm, ngăn ngừa ô nhiễm nước ở các lưu vực và gián tiếp tiết kiệm điện năng sản xuất ra nước sạch. Nguồn nước Công ty sử dụng

Trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương

Bên cạnh các hoạt động chính liên quan đến sản xuất kinh doanh, Công ty cũng không quên những hoạt động thiện nguyện gắn với cộng đồng nhằm mang lại cuộc sống tốt hơn cho địa phương. Trong năm, Công ty đã thực hiện những hoạt động có ý

Công ty luôn ý thức rõ ràng về việc sử dụng năng lượng giúp tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên bị giới hạn ngày càng nhiều, vừa cắt giảm được nguồn chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Công ty cũng khuyến khích nhân viên có ý thức tiết kiệm: tắt đèn, quạt, máy lạnh,... khi không cần thiết sử dụng; thay thế, sửa chữa các thiết bị đã hư hại; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện; hưởng ứng giờ trái đất;... góp phần nhỏ vào công cuộc chung tay vào bảo vệ nguồn năng lượng.

là từ nước thủy cục của thành phố, không sử dụng nước ngầm. Tổng lượng nước tiêu thụ cho mục đích sinh hoạt vào năm 2019 là 9.436 m3. Công ty đã có những biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế sử dụng nước lãng phí trong Công ty, vì vậy lượng nước tiêu thụ ổn định qua các năm.

nghĩa như ủng hộ UBND phường Linh Trung và UBND phường Đa Kao chung tay chăm lo Tết Canh Tý 2020 cho các gia đình khó khăn, tham gia phòng trào hiến máu nhân đạo,...





3

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình thị trường thép

Thị trường thép thế giới

Sau một thời gian tương đối ổn định, bước sang năm 2019 thì giá thép biến động khó lường, cụ thể:

Trong quý 1/2019 giá thép tăng nhẹ, giá thép tấm mỏng 3-12 mm cuối quý giao động quanh mức 540-550 USD/tấn CFR Việt Nam.

Đến cuối quý 2/2019 giá thép liên tục giảm cho đến hết tháng 10/2019, giá thép cuộn cắt tấm 3-12 mm ở mức 410-415 USD/tấn CFR Việt Nam.

Đến đầu tháng 11/2019 giá thép bắt đầu hồi phục và đến tháng 12/2019 tăng tương đối bền vững, hiện tại giá thép tấm mỏng 3-12 mm giao động quanh mức 470-475 USD/tấn CFR Việt Nam.

Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến thị trường thép trong năm nay là xuất phát từ những căng thẳng leo thang cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc. Ngoài ra, nguồn cung dư thừa (đặc biệt nguồn cung từ Ấn Độ) đã góp phần kéo giá thép thế giới giảm sâu trong thời gian dài.



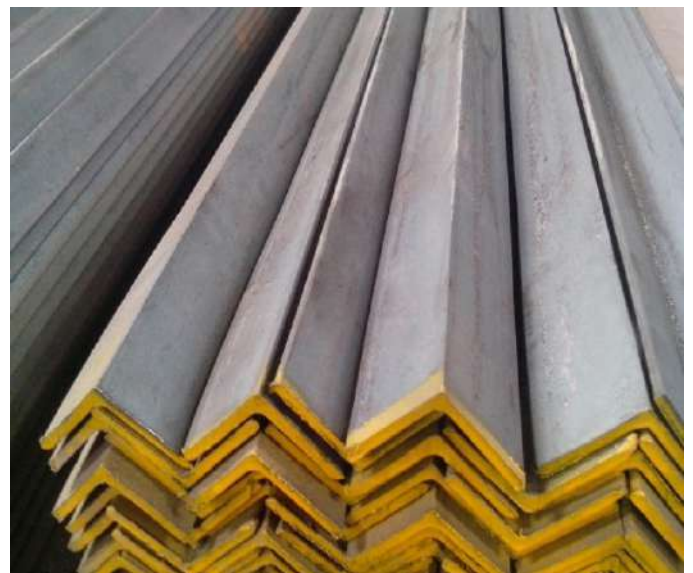
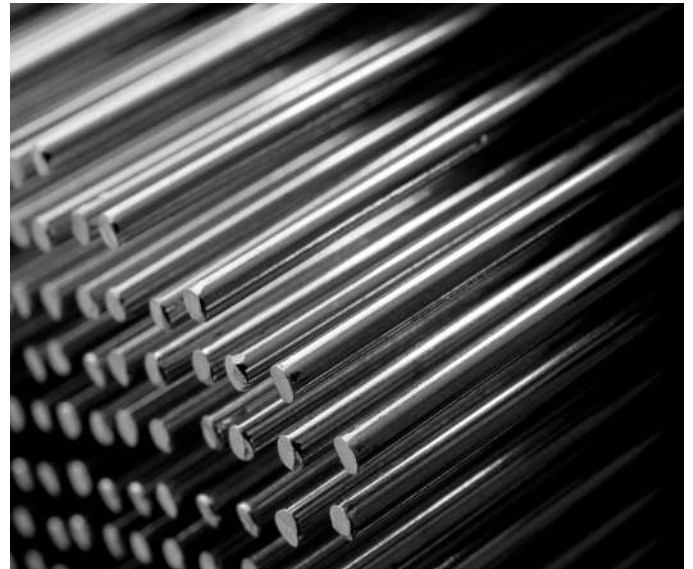
Thị trường thép trong nước

Trong năm 2019, lượng nhập khẩu sắt thép các loại đạt 14,56 triệu tấn, trị giá 9,51 tỷ USD, tăng 7,6% về lượng nhưng giảm 4% về trị giá so với năm 2018.

Năm 2019, Trung Quốc, thị trường cung cấp sắt thép các loại lớn nhất vào Việt Nam, giảm 18% về lượng, giảm 26,6% về kim ngạch và giảm 10,5% về giá so với năm 2018, đạt 5,14 triệu tấn, tương đương 3,3 tỷ USD. Đứng thứ 2 là Ấn Độ với 2,21 triệu tấn, tăng mạnh gấp 3,6 lần năm 2018; đứng thứ ba là Nhật Bản với 2,08 triệu tấn giảm 6,7%...

Trong năm 2019, ngành thép trong nước gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ việc gia tăng nguồn cung trong nước, một số dự án thép lớn tiếp tục đi vào hoạt động càng làm trầm trọng thêm tình trạng cung vượt cầu, kéo theo việc cạnh tranh về giá nhằm gia tăng thị phần để chiếm lĩnh thị trường của các nhà máy sản xuất trong nước.

Trong khi đó, nhu cầu thị trường lại rất ảm đạm. Lĩnh vực bất động sản trầm lắng, hàng loạt các dự án chưa hoặc chậm triển khai, có những dự án trọng điểm ngưng thi công do nhiều lý do đã tác động tới khả năng tăng trưởng nhu cầu thép xây dựng.



Những khó khăn và thuận lợi

Thuận lợi:

Với lợi thế hoạt động hơn 45 năm trong ngành thương mại thép cộng với đội ngũ công nhân viên năng động, chuyên môn cao, với năng lực tài chính dồi dào, cơ sở vật chất hiện đại, HMC đã đạt được những thành tựu, giải thưởng cao quý và tự hào là đối tác tin cậy của khách hàng.

Công ty đã trở thành đại lý lớn của các nhà sản xuất lớn trong nước, xây dựng được hệ thống mạng lưới bán buôn, bán lẻ rộng lớn, bên cạnh đó còn có mối quan hệ thương mại mật thiết với hơn 50 Công ty xuất khẩu, nhà sản xuất lớn trên thế giới.

Nguồn thu của HMC còn đa dạng các lĩnh vực, ngoài mảng thương mại thép thì Doanh thu đến từ mảng dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi của Công ty cũng góp phần không nhỏ trong Doanh thu của HMC.

Năm 2019 là một năm khó khăn của toàn ngành thép nói chung và của HMC nói riêng, nhưng nhờ đội ngũ Ban lãnh đạo tâm huyết, có chuyên môn cao, HMC đã có những biện pháp, kế hoạch dự phòng nhằm kịp thời giảm tối đa rủi ro của thị trường tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Khó khăn

Ngành thép nước ta trong năm 2019 đã gặp rất nhiều khó khăn khi lượng cung thép trong nước đã vượt qua nguồn cầu trong khi nhiều dự án sản xuất thép vẫn tiếp tục phát triển, đáng chú ý là dự án thép Hòa Phát - Dung Quất, dự án mở rộng của Formosa hoặc của Thép Pomina nhưng ngược lại thì nguồn cầu trong nước lại bị giảm mạnh do sự chững lại của các ngành liên quan như bất động sản, xây dựng,... Ngoài ra, theo Bộ Công thương, xu hướng bảo hộ khiến sản phẩm thép hứng chịu hàng chục cuộc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp. Gần đây nhất là Mỹ áp thuế hơn 456% lên thép nhập khẩu từ Việt Nam có nguồn gốc từ Hàn Quốc và Đài Loan, điều này càng làm cho nguồn thép trong nước bị tồn khi nhiều khi lượng cầu thép trong nước thấp xuống và lượng thép xuất khẩu đi Mỹ và các nước Châu Âu cũng giảm xuống đáng kể.

Do giá thép liên tục giảm nên giá vốn tồn kho của Công ty còn cao hơn so với giá thép thị trường, Công ty đã cố gắng giải phóng tối đa hàng tồn kho trong quý 4/2019.

Việc cạnh tranh giữa các đơn vị thương mại trong nước về nguồn hàng nhập khẩu cũng như giá cả đầu vào, đầu ra ngày càng gay gắt, do đó biên độ lợi nhuận của các ngành hàng cũng giảm sút so với trước đây, đặc biệt là thép sai quy cách.

Dis advantage

Kết quả sản xuất kinh doanh 2019

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% thực hiện so với KH 2019	% thực hiện so với năm 2018
A	DOANH THU THUẦN	Tỷ đồng	3.811	4.494	117,94%	117,45%
	Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	60	66	110,67%	105,73%
	Doanh thu hàng hóa	Tỷ đồng	4.428	118,05%	117,65%	
B	TỔNG SẢN LƯỢNG	Tấn	336.000	447.029	133,04%	133,00%
I	Thép nhập khẩu	Tấn	121.000	153.389	126,77%	129,23%
	Kim khí chính phẩm	Tấn	74.000	116.172	156,99%	155,82%
	Vật tư thứ liệu (SQC) & thép khác	Tấn	47.000	37.217	79,19%	84,33%
II	Thép xây dựng	Tấn	100.000	93.589	93,59%	102,66%
III	Phôi, phế liệu & gang thổi	Tấn	80.000	188.104	235,13%	182,92%
	Phôi	Tấn		9.798		68,37%
	Phế liệu để luyện	Tấn	80.000	178.306	222,88%	201,47%
IV	HÀNG HÓA KHÁC	Tấn	35.000	11.947	34,13%	51,00%
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	50	19,0	38,00%	15,40%

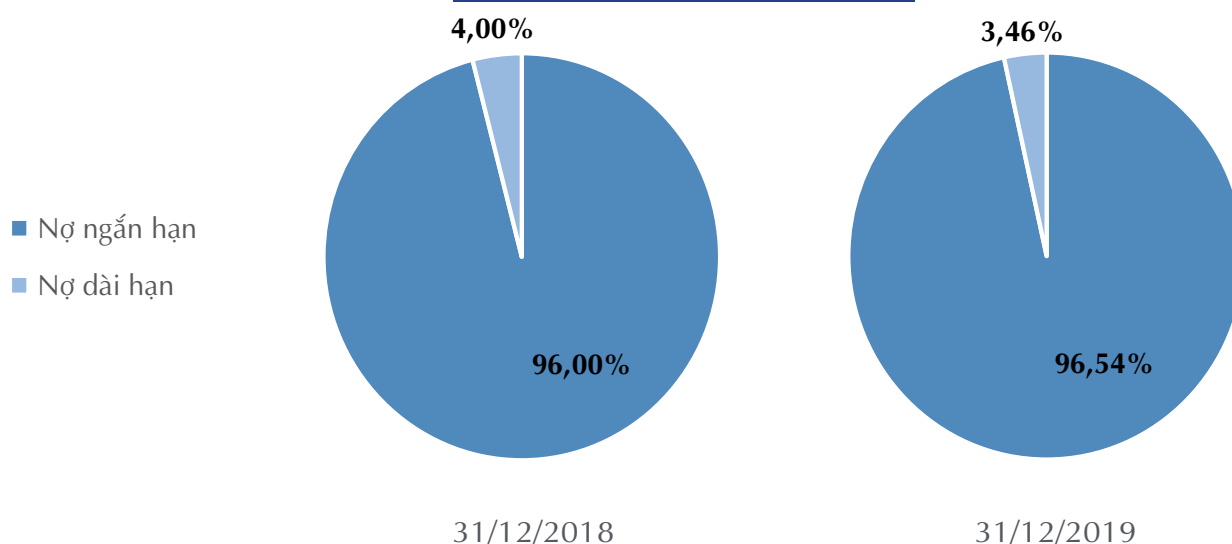
Doanh thu của Công ty đạt gần 4.494 tỷ đồng, cao hơn 683 tỷ đồng so với mốc 3.811 tỷ đồng ở đặt ra ở Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Rõ nét hơn, sản lượng tiêu thụ các mặt hàng chính của Công ty là thép nhập khẩu; phôi, phế liệu & gang thổi tăng cao lần lượt là 127% và 235% so với kế hoạch đặt ra đầu năm. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng ít hơn so với kế hoạch nhưng vẫn nhiều hơn khi so với thực hiện ở năm 2018. Có thể thấy trong năm 2019, Doanh thu thuần của Công ty không bị biến động quá nhiều mặc cho lượng cầu trong nước bị giảm xuống do khó khăn của các ngành liên quan như bất động sản, xây dựng,... điều này đã thể hiện rõ được năng lực bán hàng của Doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn là rất tốt, các chính sách ưu đãi đang phát huy hiệu quả, lòng tin của khách hàng vào HMC ngày càng vững vàng hơn. Nhưng ngược

lại với doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp trong năm 2019 chỉ 11,4 tỷ đồng, không đạt được chỉ tiêu đề ra, thậm chí chỉ hoàn thành 28,5% kế hoạch của năm 2019. Điều này xảy ra do khó khăn chung của toàn thị trường khi giá thép trên thực tế bị giảm sâu. Trong 2 quý đầu năm 2019, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đạt kết quả rất tốt khi Lợi nhuận sau thuế lũy kế của Công ty đạt đến 28,69 tỷ đồng, hoàn thành 71,71% kế hoạch đặt ra ở đầu năm nhưng tình hình bắt đầu chuyển biến xấu đi khi giá thép bắt đầu bị giảm sâu ở quý III và quý IV. Lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp ở quý III chỉ đạt vốn vện 859 triệu đồng, qua đến quý IV, lợi nhuận sau thuế bị âm đến 18,08 tỷ đồng do giá bán ra thấp hơn giá nhập vào

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		% tăng giảm
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	748.046	84,29%	825.635	86,58%	10,38%
Tài sản dài hạn	139.381	15,71%	128.008	13,42%	-8,16%
Tổng tài sản	887.427	100%	953.643	100%	7,47%
Nợ ngắn hạn	450.107	96%	581.018	96,54%	28,79%
Nợ dài hạn	17.699	4%	19.431	3,46%	9,79%
Tổng nợ phải trả	467.806	100%	600.449	100%	28,36%

Tình hình nợ



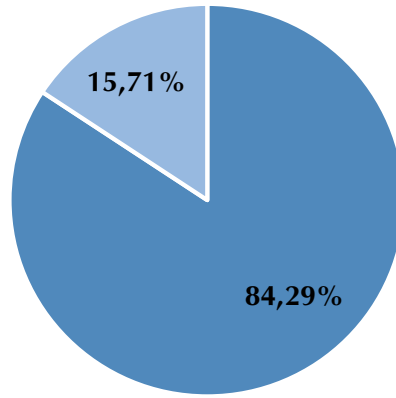
Tình hình Nợ phải trả trong năm của HMC có sự tăng lên đáng kể, chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu nợ là các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty đã tăng mạnh từ 450 tỷ đồng ở năm 2018 lên đến 581 tỷ đồng ở năm 2019 đến từ khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác. Chỉ tiêu này trong

năm 2019 tăng lên do Doanh nghiệp phải trích khoản tiền thanh toán hợp đồng LC có giá trị 279 tỷ đồng (tiền mua hàng) cho nhà cung cấp ở nước ngoài thông qua Ngân hàng. Tại thời điểm 31/12/2019, khoản tài trợ thương mại này vẫn chưa đến hạn thanh toán. Ngoài ra, khoản nợ vay tài chính tính đến cuối năm cũng đã giảm đáng kể.

DEBT

Tình hình tài sản

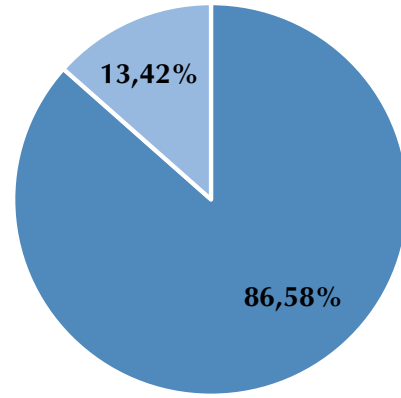
- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn



31/12/2018

Trong năm 2019, tài sản của HMC đã có nhiều biến động so với cùng kỳ năm 2018, trong toàn bộ cơ cấu tài sản thì Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn lên đến 86,85% trên tổng số tài sản của Doanh nghiệp.

Tài sản ngắn hạn của Doanh nghiệp trong năm 2019 đã tăng từ 748 tỷ đồng ở thời điểm cuối năm 2018 lên đến 826 tỷ đồng ở năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu làm Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng lên là do các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho của HMC trong năm đã tăng lên đáng kể. Trong các khoản phải thu ngắn hạn thì khoản mục phải thu từ khách hàng đã tăng mạnh nhất, tăng từ gần 296 tỷ đồng ở năm 2018 lên đến 361 tỷ đồng ở năm 2019, cụ thể là khoản phải thu lớn từ các Công ty như Chip



31/12/2019

Mong Group, Công ty TNHH Thép Tây Đô, Công ty TNHH Việt Quang,... Trong đó, số tiền cần thu từ Chip Mong Group là nhiều nhất khi lên đến 30,9 tỷ đồng ở thời điểm cuối năm 2019. Ngoài ra, Hàng tồn kho ở cuối năm cũng tăng thêm 22,65 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 là do có một lượng lớn hàng mua đang vận chuyển về có trị giá lên đến 41,85 tỷ đồng.

Ngược lại với tài sản ngắn hạn thì tài sản dài hạn của Công ty trong năm bị giảm xuống từ 139 tỷ đồng ở năm 2018 còn 128 tỷ đồng ở năm 2019. Nguyên nhân làm giảm tài sản dài hạn trong năm 2019 là đến từ việc khấu hao tài sản cố định và giảm dự phòng đầu tư tài chính.



PHÂN TÍCH SWOT



Điểm mạnh

Có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép

Am hiểu thị trường thép Việt Nam, đặc biệt là khu vực Phía Nam

Kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh hàng nhập khẩu, thông hiểu luật kinh tế quốc tế, hiểu sâu về kinh tế ngoại thương.

Đội ngũ bán hàng nhiều kinh nghiệm, có thể mạnh trong việc bán lẻ mặt hàng thép nhập khẩu sai quy cách.

Sản phẩm hàng hóa đa dạng như : Thép xây dựng, thép tấm , lá các loại, trong đó sản phẩm thép tấm sai quy cách là nguồn kinh doanh chủ lực, Xi măng, VLXD.

Hệ thống các đơn vị bán hàng nằm ở các điểm thuận lợi cho người mua tại Tp. HCM và các tỉnh Miền Tây



Cơ hội

Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định tạo ra nhiều cơ hội đối với ngành thép.

Thị trường xuất khẩu sẽ rộng hơn cho trong các khu vực các nước tham gia hiệp định thương mại tự do ETA, TPP...

Nhiều nhà máy thép có công suất lớn và sản phẩm đa dạng được đầu tư và sản xuất trong nước như : Formosa Hà Tĩnh, Posco SS ...



Điểm yếu

Tiêu thụ thép chính phẩm nhập khẩu chủ yếu là bán buôn qua các Công ty thương mại lớn, tỉ lệ bán lẻ còn thấp. Vì vậy thị phần Công ty giảm khi các nhà thương mại khác lớn mạnh.

Chưa xây dựng được hệ thống tiêu thụ thép vào các đối tác là dự án và công trình.

Mô hình quan trị chưa đáp ứng cho quá trình hội nhập quốc tế.

Công tác đánh giá phân tích thị trường ngành thép chưa thành hệ thống, Công tác Marketing, chăm sóc khách hàng chưa tốt.



Thách thức

Các đối thủ cạnh tranh trong cùng lĩnh vực kinh doanh xuất hiện ngày càng nhiều, đòi hỏi Công ty phải có đối sách, chiến lược phù hợp cho từng thời điểm, cũng như từng đối tượng khách hàng.

Thị trường Việt Nam được đánh giá sẽ có một sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như các nhà thương mại xuất khẩu vào Việt Nam và các nhà sản xuất nước ngoài tại Việt Nam.

Sản phẩm thép cán nguội, thép mạ, thép xây dựng, thép ống do một số Công ty có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất trong nước sẽ làm thu hẹp thị phần thép nhập khẩu. Mặt khác các sản phẩm này nhận được hỗ trợ từ các chính sách ưu đãi, bảo hộ thuế ... của chính phủ nên có lợi thế cạnh tranh với hàng nhập khẩu.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về kinh doanh

Năm 2019 là năm thực sự khó khăn đối với ngành thép. Tuy nhiên, Công ty đã tận dụng tốt những cơ hội biến động của thị trường, lựa chọn thời điểm mua hàng, tăng cường tiêu thụ, nhờ vậy sản lượng tiêu thụ vượt 33,04% kế hoạch năm và tăng 33,00% so với cùng kỳ năm 2018.

Công ty đã tăng cường giao dịch đẩy mạnh xuất khẩu hàng sang Campuchia, đạt 49.836 tấn, doanh thu đạt 25.935.911 USD, tạo nguồn thu ngoại tệ, phục vụ thanh toán hàng nhập khẩu, cũng như đóng góp vào các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Việc kinh doanh thép phế liệu, phôi thép, xi măng đã đóng góp một phần tích cực vào sản lượng và hiệu quả của Công ty.



Về công tác quản trị, lao động, tiền lương

Tiến hành rà soát, sửa đổi nhằm hoàn thiện các quy chế nội bộ, đánh giá lại việc thực hiện các quy chế quy định đã ban hành và sửa đổi cho phù hợp hơn với thực tế. Quy chế quản lý kinh doanh đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành sau nhiều đợt rà soát, thảo luận. Công ty đã ban hành chính sách “đánh giá kết quả công việc” và “bản đánh giá kết quả mục tiêu cá nhân” (KPI) quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi

Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để khắc phục những tồn tại và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

Tính đến tháng 12/2019, tổng số lao động của toàn Công ty là 208 người, trong đó lao động nam gồm 149 người, nữ là 59 người. Thu nhập của người lao động đã đạt 16.700.000 triệu đồng/người/tháng, tăng thêm 23,7% so với năm 2018.

Về công tác tài chính, kế toán

Trong năm hoạt động kế toán của Công ty đã có sự cải thiện về chất lượng, công tác theo dõi và quản lý công nợ, phải thu khách hàng hiệu quả hơn.

Cân đối hợp lý nguồn vốn vay và vốn tự có, tăng cường quản trị dòng tiền, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho kinh doanh.

Chi phí lãi vay năm 2019: 29,06 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,65%/doanh thu. So với thực hiện cùng kỳ năm 2018, chi phí lãi vay giảm 2,59%.

Chi phí lãi vay giảm chủ yếu do Công ty chuyển đổi hình thức mở L/C cho hàng nhập khẩu từ L/C at sight sang UPAS L/C và khai thác hàng nội địa bằng phương thức trả chậm thay vì phương thức trả ngay, mặc dù lãi suất vay tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2018.

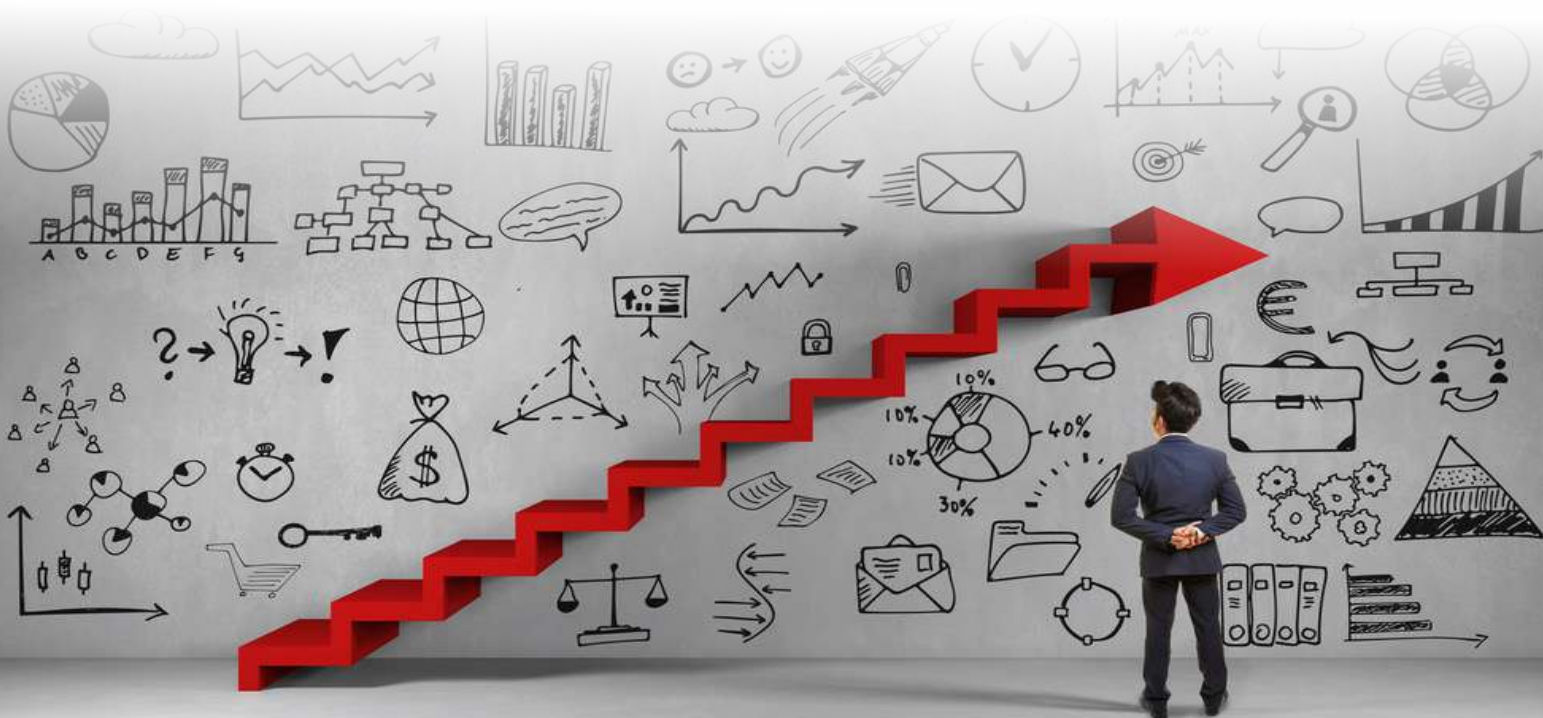


KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu chính năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	Doanh thu	tỷ đồng	3.284
B	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	348.000
1	Thép nhập khẩu	Tấn	131.000
2	Thép sản xuất trong nước	Tấn	103.000
3	Phôi, Phế liệu	Tấn	90.000
4	Hàng hóa khác	Tấn	24.000
C	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,7
D	Cổ tức	%	7%

(Do đại dịch COVID-19 ảnh hưởng rất nghiêm trọng và khó lường đối với kinh tế toàn cầu, trong đó Việt Nam là một trong những nước bị ảnh hưởng nặng nhất nên Công ty có thể sẽ phải điều chỉnh giảm các chỉ tiêu kế hoạch tùy theo điều kiện thực tế.)



Biện pháp thực hiện

Bám sát thị trường, tăng cường công tác phân tích, dự báo, cân đối lượng hàng tồn kho hợp lý nhằm tối ưu hiệu quả.

Tận dụng tốt những cơ hội biến động của giá thép thế giới theo thời điểm để đẩy mạnh xuất khẩu nhằm gia tăng sản lượng, mang lại nguồn thu ngoại tệ đáp ứng nhu cầu thanh toán hàng nhập khẩu.

Tổ chức tốt bộ máy bán hàng, tăng cường nhân sự cho khâu bán hàng. Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng song song với việc tìm kiếm khách hàng mới. Rà soát, đánh giá lại cơ cấu các mặt hàng cần kinh doanh trong thời gian tới từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể mang lại hiệu quả cao cho Công ty. Tiếp tục phối hợp với các nhà sản xuất, các đơn vị để đẩy mạnh công tác tiêu thụ thép nội. Tăng cường công tác tiếp thị để đưa các sản phẩm vào công trình.

Tiếp tục sử dụng vốn hợp lý và khai thác hiệu quả hơn nguồn vốn tài trợ cho hoạt động SXKD; đa dạng hóa các mối quan hệ tín dụng và các sản phẩm tín dụng tại các ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư với chi phí thấp nhất.

Tiếp tục tăng cường công tác quản trị công nợ, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy chế quản lý nợ. Thường xuyên rà soát nợ quá hạn khó đòi, có biện pháp phù hợp cho từng trường hợp để đạt hiệu quả thu hồi nợ tốt nhất.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý chi phí, quản lý dòng tiền.

Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị của Công ty: quy chế tài chính, quy chế tiền lương, quy chế quản lý công nợ.





4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính đến 31/12/2019)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Ông Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	-	-
3	Ông Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên không điều hành	2.000	0,01%
5	Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên độc lập	53.860	0,26%

(*) Ông Đặng Huy Hiệp từ nhiệm ngày 01/10/2019 và được thay thế bởi ông Võ Trí Nghĩa

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thị trường thép năm 2019 ghi nhận nhiều biến động khó lường. Những căng thẳng trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc và nguồn cung thép dư thừa là nguyên nhân chính dẫn đến giá thép thế giới giảm sâu trong thời gian dài, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh thép nhập khẩu ở trong nước.

Hoạt động kinh doanh thép xây dựng trong nước sản xuất cũng gặp nhiều khó khăn khi nguồn cung gia tăng đáng kể trong khi nhu cầu tăng trưởng chậm lại.

Trong hoàn cảnh đó, Công ty có nhiều cố gắng tận dụng tốt những cơ hội biến động của thị trường lựa chọn thời điểm mua hàng, tăng cường tiêu thụ trên thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Các chỉ tiêu doanh thu,

sản lượng đều hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng tốt so với năm trước. Tuy vậy, biến động bất lợi của giá thép trên thị trường thế giới đã ảnh hưởng rất lớn tới lợi nhuận của Công ty.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Doanh thu thuần đạt 4.494 tỉ đồng, đạt 117,94% kế hoạch năm 2019, tăng 17,45% so cùng kỳ năm trước.

Tổng sản lượng tiêu thụ đạt 447.029 tấn, bằng 133,04% kế hoạch năm và tăng 33% so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế đạt 11,4 tỷ đồng, bằng 28,5% kế hoạch cả năm.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban điều hành qua các nghị quyết, quyết định và các cuộc họp định kỳ. Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban và một số cuộc họp quan trọng của Công ty.

Ban điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành.

HĐQT đánh giá cao những nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019, năm thực sự khó khăn đối với ngành thép. Thể hiện qua việc thực hiện các giải pháp điều hành linh hoạt và kịp thời. Các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng đều hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng tốt so với năm trước. Tuy nhiên do biến động bất lợi và khó lường của thị trường từ cuối quý 2 đến quý 4 năm 2019, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm mạnh, không đạt kế hoạch.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

Tăng cường công tác phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

Bám sát tình hình kinh tế trong nước, thế giới và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá để kịp thời có quyết sách chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao nhất.

Tiếp tục phát huy thế mạnh và vị thế sẵn có trên thị trường của các ngành hàng truyền thống; nâng cao giá trị gia tăng của các hàng hóa Công ty cung cấp ra thị trường; tìm kiếm, mở rộng kinh doanh thêm các ngành hàng mới

Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Tập trung vào việc chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra giám sát phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo an toàn vốn. Chú trọng quản trị tài chính, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.

Chú trọng việc nâng cao chất lượng lao động, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài của Công ty.

Chỉ đạo việc bổ sung sửa đổi các quy chế quy định quản trị Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Chuẩn bị đầy đủ các công việc cần thiết để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ.

Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty.



5

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp Hội đồng quản trị và
Nghị quyết/Quyết định trong năm

Ban Kiểm soát

Đào tạo quản trị Công ty

Kiến nghị của Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,
Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM

Các cuộc họp

Trong năm, Hội đồng quản trị có tổng cộng mười (10) buổi họp và 27 Nghị quyết/Quyết định.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	28/03/2018	10	100%
2	Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Ông Hiệp từ nhiệm từ 01/10/2019	10	100%
3	Ông Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	12/11/2019		
4	Ông Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	29/03/2014	10	100%
5	Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên không điều hành	28/03/2018	10	100%
6	Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên độc lập	04/04/2019	5	100%
7	Ông Lê Văn Hồng	Thành viên không điều hành	Hết nhiệm kỳ 04/04/2019	5	100%

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng quy định. Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 kỳ họp để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

Cuộc họp ngày 4/1/2019: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 4 và năm 2018; phương hướng nhiệm vụ công tác quý 1 và năm 2019; thông qua giao dịch với các công ty có liên quan; Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ...

Cuộc họp ngày 21/3/2019: Thông qua chương trình, nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Cty; thông qua việc vay vốn tại các Ngân hàng BIDV, EXIMBANK, TMCP Phương Đông, INDOVINA.

Cuộc họp ngày 19/4/2019: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 1 năm 2019, phương hướng nhiệm vụ công tác quý 2 năm 2019; Phân công nhiệm vụ các thành viên hội đồng quản trị; Phê duyệt quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; Phê duyệt quy hoạch nhân sự HĐQT quản lý; Phê duyệt

quyết toán quỹ tiền lương năm 2018 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2019...

Cuộc họp ngày 9/7/2019: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 2 và 6 tháng đầu năm 2019, phương hướng nhiệm vụ công tác quý 3 và 6 tháng cuối năm 2019

Cuộc họp ngày 24/09/2019: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 3 và 9 tháng đầu năm 2019, phương hướng nhiệm vụ công tác quý 4 năm 2019; Miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

Các cuộc họp khác phê duyệt việc vay vốn các ngân hàng Vietinbank, Vietcombank...

Ngoài các cuộc họp định kỳ, để tiết kiệm thời gian và chi phí, một số vấn đề đã được HĐQT quyết định thông qua việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản hoặc thư điện tử. Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tích cực thảo luận, tham gia ý kiến, thông qua các chủ trương, nhiệm vụ giao cho Ban điều hành thực hiện.



Nghị quyết/Quyết định trong năm 2019

STT	SỐ NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-KK	04/01/2019	Về đánh giá kết quả kinh doanh Q4 và năm 2018; nhiệm vụ trọng tâm Q1 và năm 2019
2	06/NQ-KK	07/01/2019	Chấp thuận giao dịch của Công ty với người có liên quan của thành viên HĐQT
3	07/NQ-KK	07/01/2019	Chấp thuận giao dịch của Công ty với các Công ty có liên quan
4	10/NQ-KK	16/01/2019	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018
5	14/NQ-KK	22/01/2019	V/v nghi việc hưởng chế độ hưu trí của bà Võ Thị Lệ Châu
6	15/NQ-KK	22/01/2019	Bổ nhiệm Kế toán trưởng
7	22/NQ-KK	13/02/2019	Về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
8	38/QĐ-KK	22/02/2019	Về vay vốn tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
9	53/NQ-K.K	06/03/2019	Về ủy quyền đại diện phần vốn của Công ty tại CTCP thép Tấm lá Thống Nhất
10	54/NQ-KK	06/03/2019	Về vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
11		21/03/2019	Về vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
12	82/NQ-KK	22/03/2019	Về vay vốn các ngân hàng: OCB, Eximbank, ...
13	87/NQ-KK	04/04/2019	Bầu Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm Tổng Giám đốc
14	101/NQ-KK	19/04/2019	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2018 và kế hoạch năm 2019
15	113/QĐ-KK	19/04/2019	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
16	114/NQ-KK	19/04/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 1/2019 và nhiệm vụ trọng tâm quý 2/2019
17	116/QĐ-KK	22/04/2019	Về chấp thuận cho cán bộ đi Đài Loan
18	117/NQ-KK	23/04/2019	Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt cuối năm 2018
19	152/NQ-KK	22/05/2019	Về chấp thuận cho cán bộ đi Úc
20	182/NQ-KK	12/06/2019	Ban hành quy chế quản lý kinh doanh
21	183/QĐ-KK	17/06/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
22	234/NQ-KK	12/07/2019	Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ do HĐQT quản lý
23	238/NQ-KK.	12/07/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2019; nhiệm vụ trọng tâm quý 3 và 6 tháng cuối năm 2019
24	312/QĐ-KK	24/09/2019	Miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty
25	313/QĐ-KK	24/09/2019	Bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty
26	313/NQ-KK	24/09/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2019; nhiệm vụ trọng tâm quý 4 năm 2019
27	323/NQ-KK	03/10/2019	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban		
2	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên	25.990	0,12%
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên	9.850	0,05%

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban	29/03/2014	4	100%
2	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên	02/04/2016	4	100%
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên	02/04/2016	4	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 và việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 và lập báo cáo trình ĐHĐCĐ. Thẩm định các báo cáo tài chính quý năm 2019 của Công ty, qua đó đề xuất những kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.

Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty. Trao đổi với kiểm toán về những vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Giám sát công tác quản lý công nợ và tình hình thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.

Tham gia góp ý xây dựng các quy chế quản trị của Công ty.

Năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức bốn cuộc họp với nội dung chính là: đánh giá hoạt động năm 2018, thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty, thẩm định và phân tích báo cáo tài chính các quý năm 2019 của Công ty.

Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua thư điện tử, điện thoại để hoạt động của Ban kiểm soát được kịp thời, hiệu quả.

Các khoản tiền lương, thù lao của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Chi tiết tiền lương, thù lao năm 2019 được báo cáo tại tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty.

Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2019 của Ban Kiểm soát

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019:

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến đánh giá của Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2019, phù hợp với

Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến đánh giá tại báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình, kết quả hoạt động năm 2019 của Công ty.

Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành:

Các thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT đã hoạt động tích cực, bám sát tình hình của Công ty. Hàng quý, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề

Kiến nghị của Ban Kiểm soát

Tiếp tục tăng cường việc kiểm soát chi phí và kiểm soát công nợ để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thị trường và các chính sách thuế của Nhà nước nhằm xác định lại cơ cấu các mặt hàng kinh doanh của Công ty. Đồng thời mở rộng kinh doanh các mặt hàng mới bù đắp cho các mặt hàng đang bị thu hẹp do ảnh hưởng khách quan.

Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát

Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nội dung khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT.

Kiểm soát một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý tài chính và tình hình thực hiện các Quy chế quản lý kinh doanh, tài chính, công nợ của Công ty.

Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019, các báo cáo tài chính hàng quý năm 2020 của Công ty. Hàng quý lập báo cáo đánh giá hoạt động trong kỳ

ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Tập huấn về Thẻ điểm Quản trị Công ty DNNY VN và các vấn đề về CBTT trên Báo cáo Thường niên/ Báo cáo Phát triển bền vững ngày 22/02/2019: Ông Dương Trung Toàn - Chủ tịch HĐQT Công ty và Bà Hoàng Lê Ánh - Phụ trách Quản trị Công ty tham gia.

thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên qua thư điện tử hoặc văn bản. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Năm 2019, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc bám sát triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, điều hành kinh doanh linh hoạt. Tuy lợi nhuận của Công ty không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của thị trường nhưng cần ghi nhận cố gắng của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu doanh số, sản lượng tiêu thụ.

Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động nhằm chủ động chuẩn bị nguồn lực kế thừa cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao để bổ sung vào đội ngũ quản lý.

Chuẩn bị các điều kiện cho việc thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

và đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty .

Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty.

Phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra một số nội dung cụ thể trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc.

Tham gia góp ý việc xây dựng, sửa đổi Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý của Công ty.

Hội thảo về cập nhật quy định về kiểm toán nội bộ và kinh nghiệm tổ chức chức năng kiểm toán nội bộ tại công ty niêm yết ngày 14/03/2019: Ông Dương Trung Toàn - Chủ tịch HĐQT Công ty và Bà Hoàng Lê Ánh - Trưởng BKS Công ty tham gia.

Bà Cù Thị Thùy Linh TV HĐQT Công ty hoàn thành chương trình đào tạo quản trị Công ty cho các công ty đại chúng từ ngày 11 đến 12/04/2019.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
Hội đồng quản trị			
Ông Dương Trung Toàn		908.314.655	
Ông Đặng Huy Hiệp		-	Miễn nhiệm từ 01/10/2019
Ông Võ Trí Nghĩa		-	TV.HĐQT Từ tháng 01/10/2019
Ông Trương Bá Liêm			
Bà Cù Thị Thùy Linh	35.478.261	-	TV.HĐQT từ 04/4/2019
Ông Phạm Mạnh Hùng	12.521.739	-	Miễn nhiệm từ 04/4/2019
Ông Lê Văn Hồng	48.000.000	-	
Ban kiểm soát		-	
Bà Hoàng Lê Ánh		671.813.613	
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	36.000.000	-	
Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	36.000.000	210.534.790	
Ban điều hành			
Ông Võ Trí Nghĩa		106.500.000	TGD từ tháng 01/10/2019
Ông Đặng Huy Hiệp		978.545.000	Miễn nhiệm từ 01/10/2019
Ông Trương Bá Liêm		972.415.000	
Bà Võ Thị Lệ Châu		175.920.000	Miễn nhiệm từ 2/2019 (Nghỉ hưu)
Ông Lại Văn Quyền		545.953.781	KTT từ tháng 01/02/2019

Công ty không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và không có hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.





6

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**



Số: 280220.012/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được lập ngày 27 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-2018-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Lê Kim Yến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		825.634.408.247	748.045.784.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	22.689.595.611	25.008.114.683
111	1. Tiền		22.689.595.611	25.008.114.683
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	9.500.000.000	15.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.500.000.000	15.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		320.147.313.836	258.873.233.530
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	361.011.998.872	295.820.382.631
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		480.780.091	2.865.964.799
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	9.822.836.962	10.063.943.598
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(51.168.302.089)	(49.877.057.498)
140	IV. Hàng tồn kho	08	470.769.750.501	448.117.301.481
141	1. Hàng tồn kho		493.131.747.058	468.950.287.754
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22.361.996.557)	(20.832.986.273)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.527.748.299	1.047.134.747
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	421.517.806	207.319.350
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.039.815.701	839.815.397
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	66.414.792	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		128.008.376.248	139.380.888.688
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		307.400.000	332.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	307.400.000	332.000.000
220	II. Tài sản cố định		30.827.381.272	32.958.913.456
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	20.610.244.259	24.665.762.326
222	- Nguyên giá		67.263.378.941	67.088.267.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.653.134.682)	(42.422.505.618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	10.217.137.013	8.293.151.130
228	- Nguyên giá		12.339.454.427	10.057.078.260
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.122.317.414)	(1.763.927.130)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	87.558.594.976	93.192.034.432
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.905.192.792)	(52.271.753.336)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	11.940.800
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	11.940.800
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	9.315.000.000	12.886.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.000.000.000	58.079.250.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(27.685.000.000)	(45.193.250.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		953.642.784.495	887.426.673.129



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		600.448.626.817	467.806.112.112
310	I. Nợ ngắn hạn		581.017.635.531	450.107.414.821
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	90.443.863.284	21.314.713.620
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.422.446.689	2.219.989.230
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.693.622.241	12.388.703.751
314	4. Phải trả người lao động		3.306.704.663	23.379.001.969
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.180.419.592	2.130.000.535
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		159.715.410	608.991.793
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	286.751.515.470	4.652.957.123
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	184.957.937.742	377.031.176.968
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.101.410.440	6.381.879.832
330	II. Nợ dài hạn		19.430.991.286	17.698.697.291
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	19.430.991.286	17.698.697.291
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		353.194.157.678	419.620.561.017
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	353.194.157.678	419.620.561.017
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		62.435.503.997	62.435.503.997
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.759.956.851	108.186.360.190
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		30.358.905.782	10.002.411.365
421b	LNST chưa phân phối năm nay		11.401.051.069	98.183.948.825
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		953.642.784.495	887.426.673.129

Lê Thúy Hằng
Người lập

Lại Văn Quyền
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.494.163.879.676	3.828.632.365.814
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	206.763.050	1.839.343.207
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.493.957.116.626	3.826.793.022.607
11	4. Giá vốn hàng bán	23	4.415.300.316.221	3.561.222.653.422
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.656.800.405	265.570.369.185
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	18.781.715.564	19.395.559.762
22	7. Chi phí tài chính	25	27.994.312.856	35.219.471.966
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		29.064.007.723	29.836.032.103
25	8. Chi phí bán hàng	26	41.362.003.665	66.450.201.556
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	13.693.899.893	58.697.767.262
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.388.299.555	124.598.488.163
31	11. Thu nhập khác	28	4.747.331.852	3.295.195.276
32	12. Chi phí khác	29	114.278.951	4.498.040.885
40	13. Lợi nhuận khác		4.633.052.901	(1.202.845.609)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.021.352.456	123.395.642.554
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	7.620.301.387	25.211.693.729
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.401.051.069</u>	<u>98.183.948.825</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	543	4.675



Lê Thúy Hằng
Người lập





Lại Văn Quyền
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19.021.352.456	123.395.642.554
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.222.458.804	10.157.353.593
03	- Các khoản dự phòng		(14.533.296.852)	48.166.809.176
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(263.611.507)	64.511.869
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		12.654.588.580	(1.716.786.991)
06	- Chi phí lãi vay		29.064.007.723	29.836.032.103
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		56.165.499.204	209.903.562.304
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(64.047.813.397)	98.378.950.659
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(24.181.459.304)	8.550.843.332
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		332.147.026.166	(237.153.359.660)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(214.198.456)	461.485.875
14	- Tiền lãi vay đã trả		(29.232.846.620)	(29.804.055.551)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.626.659.125)	(27.159.097.714)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.607.923.800)	(3.717.150.426)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		249.401.624.668	19.461.178.819
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(175.110.997)	(510.951.254)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	184.390.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.500.000.000)	(15.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15.000.000.000	25.800.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.446.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.055.277.858	1.623.776.402
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		13.826.166.861	12.097.216.057
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.919.627.945.798	4.078.807.737.387
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.111.701.185.024)	(4.043.760.922.451)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(73.473.153.050)	(63.005.907.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(265.546.392.276)	(27.959.092.064)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.318.600.747)	3.599.302.812

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.008.114.683	21.473.323.740
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		81.675	(64.511.869)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>22.689.595.611</u>	<u>25.008.114.683</u>



Lê Thúy Hằng
Người lập



Lại Văn Quyền
Kế toán trưởng



Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 01 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 210.000.000.000 đồng, tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, sản lượng hàng hóa bán ra tăng so với năm 2018, dẫn đến doanh thu và giá vốn của hàng hóa đã bán tăng tương ứng. Tuy nhiên, do giá bán thép giảm mạnh nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 giảm 186 tỷ đồng tương ứng 70% so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Tp. Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng	Long An	Kho chứa hàng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

1106
G T
MHU
EM T
SC
M-T

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 34	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 12	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Các khoản nợ vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền thuê kho bãi, mặt bằng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng trả trước cho dịch vụ thuê văn phòng, kho bãi của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.26 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	470.352.314	600.933.077
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.219.243.297	24.407.181.606
	<u>22.689.595.611</u>	<u>25.008.114.683</u>

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	9.500.000.000	-	15.000.000.000	-
	9.500.000.000	-	15.000.000.000	-

Đầu tư ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (*)

(*) Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM với lãi suất 6,8%/năm, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Phòng giao dịch Công Hòa với lãi suất 8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	37.000.000.000	9.315.000.000	(27.685.000.000)	6.440.000.000
- Công ty TNHH VNS - DAEWOO ⁽¹⁾	-	-	-	21.079.250.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (TNB) ⁽²⁾	23.000.000.000	9.315.000.000	(13.685.000.000)	23.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất (TNS) ⁽³⁾	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)	14.000.000.000
	37.000.000.000	9.315.000.000	(27.685.000.000)	6.440.000.000
				Dự phòng VND
				(45.193.250.000)
				(14.633.250.000)
				(16.560.000.000)
				(14.000.000.000)
				(45.193.250.000)

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- (1) Công ty TNHH VNS - DAEWOO thực hiện giải thể theo Quyết định số 20182015/VDS ngày 15/10/2018 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH DNS - DAEWOO. Công ty đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế vào ngày 05/04/2019.
- (2) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (mã cổ phiếu TNB) giao dịch trên thị trường UPCoM, được xác định theo giá đóng cửa bình quân từ ngày 20/11/2019 đến ngày 31/12/2019 và giá đóng cửa tại ngày 28/12/2018.
- (3) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất (mã TNS) đang được giao dịch trên thị trường UPCoM, tuy nhiên, Công ty không ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2019 mà thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019. Tại ngày 31/12/2019, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất bị âm, nên Công ty trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này với tỷ lệ 100%.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (TNB)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7%	7%	Sản xuất, kinh doanh thép tấm lá
- Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất (TNS)	Thành phố Hồ Chí Minh	10%	10%	Sản xuất, kinh doanh thép

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn	361.011.998.872	(51.168.302.089)	295.820.382.631	(49.877.057.498)
- Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thông Nhất	45.403.672.833	(45.403.672.833)	46.603.672.833	(46.603.672.833)
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	45.486.350.680	-	22.140.901.200	-
- CHIP MONG GROUP CO.,LTD	30.900.361.989	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	239.221.613.370	(5.764.629.256)	227.075.808.598	(3.273.384.665)
	361.011.998.872	(51.168.302.089)	295.820.382.631	(49.877.057.498)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	91.065.684.712	(45.403.672.833)	69.001.487.641	(46.603.672.833)

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi	374.246.575	-	450.863.013	-
- Tạm ứng	15.000.000	-	52.206.000	-
- Ký cược, ký quỹ	7.035.000.000	-	7.000.000.000	-
- Chiết khấu sản lượng	1.650.823.320	-	1.616.116.090	-
- Chiết khấu thanh toán	32.124.900	-	408.171.810	-
- Phải thu lãi ký quỹ	319.692.991	-	298.663.500	-
- Khoản quy trách nhiệm cho cá nhân	-	-	61.190.484	-
- Phải thu lãi chậm trả	332.313.849	-	106.661.138	-
- Phải thu khác	63.635.327	-	70.071.563	-
	9.822.836.962	-	10.063.943.598	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	307.400.000	-	332.000.000	-
	307.400.000	-	332.000.000	-
c) Phải thu khác	7.684.131.740	-	9.304.751.790	-
là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)				

100
C
HÁCH
ÁNH
/

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thông Nhất	45.403.672.833	-	46.603.672.833	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quang Trung	2.752.428.950	1.305.251.172	2.952.428.950	1.995.736.962
- Các khoản khác	9.789.507.609	5.472.056.131	4.803.802.513	2.487.109.836
	57.945.609.392	6.777.307.303	54.359.904.296	4.482.846.798

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	41.850.438.168	-	1.284.889.820	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.446.318	-	45.450.273	-
Hàng hoá	451.228.862.572	(22.361.996.557)	467.619.947.661	(20.832.986.273)
	493.131.747.058	(22.361.996.557)	468.950.287.754	(20.832.986.273)

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	28.322.103.781	30.694.479.394	6.261.625.010	832.358.928	977.700.831	67.088.267.944
- Mua trong năm	118.674.633	-	-	56.436.364	-	175.110.997
Số dư cuối năm	28.440.778.414	30.694.479.394	6.261.625.010	888.795.292	977.700.831	67.263.378.941
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.740.425.372	23.175.494.549	2.991.296.073	548.349.929	966.939.695	42.422.505.618
- Khấu hao trong năm	1.334.813.604	2.203.233.770	562.020.742	119.799.812	10.761.136	4.230.629.064
Số dư cuối năm	16.075.238.976	25.378.728.319	3.553.316.815	668.149.741	977.700.831	46.653.134.682
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	13.581.678.409	7.518.984.845	3.270.328.937	284.008.999	10.761.136	24.665.762.326
Tại ngày cuối năm	12.365.539.438	5.315.751.075	2.708.308.195	220.645.551	-	20.610.244.259

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.201.041.096 VND.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.553.078.260	504.000.000	10.057.078.260
- Mua trong năm	2.282.376.167	-	2.282.376.167
Số dư cuối năm	11.835.454.427	504.000.000	12.339.454.427
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.427.927.130	336.000.000	1.763.927.130
- Khấu hao trong năm	190.390.284	168.000.000	358.390.284
Số dư cuối năm	1.618.317.414	504.000.000	2.122.317.414
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.125.151.130	168.000.000	8.293.151.130
Tại ngày cuối năm	10.217.137.013	-	10.217.137.013

(*) Đây là Quyền sử dụng đất của Công ty tại các địa điểm sau:

- Lô C35/1 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, đường Số 7, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh;
- Số 24, 26, 28 đường số 12, Khu phố 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Chi phí xây dựng tòa nhà VND	Thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Số dư cuối năm	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	31.835.834.508	20.435.918.828	52.271.753.336
- Khấu hao trong năm	3.593.513.244	2.039.926.212	5.633.439.456
Số dư cuối năm	35.429.347.752	22.475.845.040	57.905.192.792
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	86.646.609.600	6.545.424.832	93.192.034.432
Tại ngày cuối năm	83.053.096.356	4.505.498.620	87.558.594.976

- Bất động sản đầu tư của Công ty là hai tòa nhà cho thuê tại địa chỉ số 193, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 189, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ cho thuê các bất động sản đầu tư này là 41.111.086.916 VND (năm 2018 là 37.059.454.270 VND).

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Chi phí thuê văn phòng, thuê đất, thuê tài sản	69.600.000	109.800.000
- Phí phát hành bảo lãnh thanh toán	351.917.806	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	97.519.350
	421.517.806	207.319.350

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Cheongfuli (Xiamen) Co.,LTD	20.658.532.326	20.658.532.326	-	-
- HANGZHOU COGENERATION (HONG KONG) COMPANY LIMITED	11.397.177.658	11.397.177.658	-	-
- Smart Timing Steel Limited	9.794.728.184	9.794.728.184	-	-
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	16.465.310.218	16.465.310.218	17.932.044.007	17.932.044.007
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	28.978.068.614	28.978.068.614	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	3.150.046.284	3.150.046.284	3.382.669.613	3.382.669.613
	90.443.863.284	90.443.863.284	21.314.713.620	21.314.713.620
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	45.443.378.832	45.443.378.832	17.932.044.007	17.932.044.007

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty TNHH Việt Quang	-	1.540.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Sắt thép Hồng Khanh	300.209.900	-	-	-
- Đỗ Thị Hà	599.604.000	-	-	-
- Các khách hàng khác	522.632.789	679.989.230	-	-
	1.422.446.689	2.219.989.230	17.932.044.007	17.932.044.007

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.675.505.647		110.332.980.482		105.490.568.419		-		6.517.917.710	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		4.291.712.312		4.291.712.312		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		7.182.062.269		7.620.301.387		14.626.659.125		-		175.704.531	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		1.366.804.160		2.663.226.843		4.096.445.795		66.414.792		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		2.676.007.824		2.676.007.824		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		350.706.090		350.706.090		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		2.164.331.675		195.843.164		2.360.174.839		-		-	
	-		12.388.703.751		128.130.778.102		133.892.274.404		66.414.792		6.693.622.241	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	240.484.787	409.323.684
- Trích trước chi phí tiền điện, nước	22.500.000	22.588.234
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	707.771.343	549.701.747
- Tiền lãi ký quỹ của nhân viên bán hàng	169.791.791	-
- Trích trước chi phí giao dịch UPAS L/C	1.456.068.534	-
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	483.803.137	355.663.855
- Trích trước chi phí chính lý tài liệu lưu trữ	-	330.300.000
- Chi phí phải trả khác	100.000.000	462.423.015
	3.180.419.592	2.130.000.535

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	10.995.897
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.095.686.057	4.378.539.810
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	67.341.900	40.494.950
- Phải trả các ngân hàng về khoản thanh toán L/C cho nhà cung cấp (*)	279.186.185.665	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	402.301.848	222.926.466
	286.751.515.470	4.652.957.123
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.430.991.286	17.698.697.291
	19.430.991.286	17.698.697.291
c) Phải trả khác là các bên liên quan	144.000.000	171.515.700

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

(*) Đây là giá trị các bộ chứng từ mà các Ngân hàng đã thanh toán cho các nhà cung cấp của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2019, các khoản tài trợ thương mại này vẫn chưa đến hạn thanh toán.

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	58.508.484.172	58.508.484.172	705.783.462.581	709.014.765.673	55.277.181.080	55.277.181.080
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽²⁾	256.671.500.164	256.671.500.164	2.622.893.705.113	2.790.465.742.982	89.099.462.295	89.099.462.295
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽³⁾	49.058.613.528	49.058.613.528	281.501.478.542	289.978.797.703	40.581.294.367	40.581.294.367
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	9.999.999.000	9.999.999.000	122.475.607.047	132.475.606.047	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh TP.HCM	2.792.580.104	2.792.580.104	100.826.186.592	103.618.766.696	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	-	-	58.773.500.967	58.773.500.967	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Chợ Lớn	-	-	27.374.004.956	27.374.004.956	-	-
	377.031.176.968	377.031.176.968	3.919.627.945.798	4.111.701.185.024	184.957.937.742	184.957.937.742

VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.3500027/2019-HĐCVHM/NHCT900-KIMKHI ngày 30/08/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng. Thời hạn của hạn mức đến ngày 31/05/2020;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 55.277.181.080 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/94697/HĐTD, ngày 19/07/2019 với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 800 tỷ đồng. Thời hạn của hạn mức đến 30/06/2020.
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ cam kết bảo lãnh/L/C được mở;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 89.099.462.295 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0029/1938/N-KD/01 ngày 02/05/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức: đến ngày 25/04/2020;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 40.581.294.367 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	81.113.790.405	392.547.991.232	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	98.183.948.825	98.183.948.825	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(63.000.000.000)	(63.000.000.000)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.111.379.040)	(8.111.379.040)	
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	108.186.360.190	419.620.561.017	
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	108.186.360.190	419.620.561.017	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.401.051.069	11.401.051.069	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(73.500.000.000)	(73.500.000.000)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(4.327.454.408)	(4.327.454.408)	
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	41.759.956.851	353.194.157.678	

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 88/NQ-KK ngày 04/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100	108.186.360.190
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,00	4.327.454.408
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 3.500 VND)	67,94	73.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	28,06	30.358.905.782

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	116.905.700.000	55,67	116.905.700.000	55,67	55,67
- Ông Trần Linh Phong	10.580.000.000	5,04	10.640.000.000	5,07	5,07
- Các cổ đông khác	82.514.300.000	39,29	82.454.300.000	39,26	39,26
	210.000.000.000	100	210.000.000.000	100	100



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	40.494.950	46.401.950
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	73.500.000.000	63.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	73.500.000.000	63.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(73.473.153.050)	(63.005.907.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(73.473.153.050)	(63.005.907.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	67.341.900	40.494.950

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.435.503.997	62.435.503.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	64.208.970.827	64.208.970.827

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê Cụm nhà văn phòng và nhà xưởng tại lô D1 - 29&30 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo hợp đồng thuê tài sản số 02- 2018/HĐTTS ngày 01/01/2018 với giá trị thuê là 960.000.000/năm, thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày 01/01/2018. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	960.000.000	960.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	960.000.000

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại Linh Trung - Thủ Đức có thời hạn từ năm 2015 đến năm 2020 để sử dụng với mục đích làm kho bãi và thuê đất tại số 193 Đinh Tiên Hoàng, số 189 Nguyễn Thị Minh Khai - Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 đến năm 2046 để đầu tư văn phòng cho thuê. Tổng diện tích khu đất thuê là 66.527,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	809.655,59	698.324,24
- Đồng Euro (EUR)	202,04	202,04
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Các khoản nợ khó đòi đã xử lý	39.063.033.194	39.121.134.921
21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.427.993.942.242	3.765.593.322.543
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.169.937.434	63.039.043.271
	<u>4.494.163.879.676</u>	<u>3.828.632.365.814</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	<u>249.347.304.495</u>	<u>257.861.869.015</u>
22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	206.763.050	1.839.343.207
	<u>206.763.050</u>	<u>1.839.343.207</u>
23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.395.069.454.571	3.531.938.998.380
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.701.851.366	19.954.035.483
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.529.010.284	9.329.619.559
	<u>4.415.300.316.221</u>	<u>3.561.222.653.422</u>
24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	828.661.420	1.532.396.082
Chiết khấu thanh toán	2.561.732.703	4.267.488.193
Lãi bán hàng trả chậm	9.019.027.164	11.466.794.316
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.150.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.412.426.219	1.658.384.723
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	263.611.507	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	546.256.551	470.496.448
	<u>18.781.715.564</u>	<u>19.395.559.762</u>

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.064.007.723	29.836.032.103
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.633.548.959	1.029.765.344
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	64.511.869
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.875.000.000)	4.029.162.650
Chi phí tài chính khác	171.756.174	260.000.000
	<u>27.994.312.856</u>	<u>35.219.471.966</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	856.665.448	990.061.762
Chi phí nhân công	22.480.784.114	44.715.869.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.367.857.072	3.946.887.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.563.004.945	11.565.871.034
Chi phí khác bằng tiền	5.093.692.086	5.231.511.384
	<u>41.362.003.665</u>	<u>66.450.201.556</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	345.506.258	384.728.505
Chi phí nhân công	3.361.933.240	10.335.944.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.874.564	278.242.188
Thuế, phí, lệ phí	98.371.233	136.627.981
Chi phí dự phòng	1.445.942.864	34.808.026.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.506.151.327	6.966.447.804
Chi phí khác bằng tiền	3.658.120.407	5.787.749.505
	<u>13.693.899.893</u>	<u>58.697.767.262</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	184.390.909
Giá trị hàng thừa nhập kho	1.706.974.158	-
Tiền phạt, tiền bồi thường, phí tàu già thu được	1.844.922.684	293.137.213
Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	212.800.000	995.392.988
Thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng quận 4	-	1.076.149.117
Thu nhập khác	982.635.010	746.125.049
	<u>4.747.331.852</u>	<u>3.295.195.276</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hoàn nhập trích trước tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất	(98.207.034)	-
Các khoản phạt hành chính, truy thu chậm nộp thuế	202.538.602	2.182.150.417
Tiền thuế tự vệ thép nhập khẩu bổ sung	-	2.290.713.195
Chi phí khác	9.947.383	25.177.273
	114.278.951	4.498.040.885

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.021.352.456	123.395.642.554
Các khoản điều chỉnh tăng	19.006.409.262	2.926.826.090
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.150.081.675)	(1.412.087.861)
Thu nhập chịu thuế TNDN	36.877.680.043	124.910.380.783
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	7.375.536.009	24.982.076.157
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	244.765.378	229.617.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	7.182.062.269	9.129.466.254
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(14.626.659.125)	(27.159.097.714)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh	175.704.531	7.182.062.269

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.401.051.069	98.183.948.825
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.401.051.069	98.183.948.825
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	543	4.675

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.358.126.869	1.707.589.932
Chi phí nhân công	27.574.652.027	60.943.637.802
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.222.458.804	10.157.353.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.727.929.739	26.753.510.554
Chi phí khác bằng tiền	8.951.255.280	11.669.976.282
	72.834.422.719	111.232.068.163

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	22.689.595.611	-	25.008.114.683	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	371.142.235.834	(51.168.302.089)	306.216.326.229	(49.877.057.498)
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	15.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	37.000.000.000	(27.685.000.000)	37.000.000.000	(30.560.000.000)
	440.331.831.445	(78.853.302.089)	383.224.440.912	(80.437.057.498)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	184.957.937.742	377.031.176.968
Phải trả người bán, phải trả khác	396.626.370.040	43.666.368.034
Chi phí phải trả	3.180.419.592	2.130.000.535
	584.764.727.374	422.827.545.537

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư dài hạn	-	-	9.315.000.000	9.315.000.000
	-	-	9.315.000.000	9.315.000.000
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	-	6.440.000.000	6.440.000.000
	-	-	6.440.000.000	6.440.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.689.595.611	-	-	22.689.595.611
Phải thu khách hàng, phải thu khác	319.666.533.745	307.400.000	-	319.973.933.745
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
	351.856.129.356	307.400.000	-	352.163.529.356

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản trưng đương tiền	25.008.114.683	-	-	25.008.114.683
Phải thu khách hàng, phải thu khác	256.007.268.731	332.000.000	-	256.339.268.731
Các khoản cho vay	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	296.015.383.414	332.000.000	-	296.347.383.414

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	184.957.937.742	-	-	184.957.937.742
Phải trả người bán, phải trả khác	377.195.378.754	19.430.991.286	-	396.626.370.040
Chi phí phải trả	3.180.419.592	-	-	3.180.419.592
	565.333.736.088	19.430.991.286	-	584.764.727.374
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	377.031.176.968	-	-	377.031.176.968
Phải trả người bán, phải trả khác	25.967.670.743	17.698.697.291	-	43.666.368.034
Chi phí phải trả	2.130.000.535	-	-	2.130.000.535
	405.128.848.246	17.698.697.291	-	422.827.545.537

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.919.627.945.798	4.078.807.737.387
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	4.111.701.185.024	4.043.760.922.451

35 . NỢ TIỀM TÀNG

Tháng 10/2010, Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel (trước đây là Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố) cùng với bốn (04) Công ty khác được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý phương án lập Công ty Cổ phần (sau này là Công ty Cổ phần Đầu tư Lavencu) để thực hiện đầu tư dự án xây dựng khách sạn tiêu chuẩn năm sao và có một phần trung tâm thương mại tại khu đất 8 - 12 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị vốn góp là 12,5 tỷ đồng. Ngày 29/10/2010, bốn Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel) đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Lavencu cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô, với giá trị chuyển nhượng là 62,5 tỷ đồng / mỗi Công ty.

Theo kiến nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ gửi cho Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 645/KL-TTTP ngày 04/05/2018 về việc thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thu hồi toàn bộ khu đất này để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định. Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel cùng với ba (03) Công ty tham gia góp vốn có trách nhiệm hoàn trả lại 50 tỷ đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh đô (Kido) do chuyển nhượng quyền đầu tư dự án không đúng quy định. Tuy nhiên, tại kết luận này cũng nêu: “Trường hợp có tranh chấp liên quan đến số tiền trên yêu cầu các công ty khởi kiện ra tòa theo pháp luật dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.427.787.179.192	65.512.130.000	657.807.434	4.493.957.116.626	-	4.493.957.116.626
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.188.714.337	46.810.278.634	657.807.434	78.656.800.405	-	78.656.800.405
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.445.546.364	-	-	2.445.546.364	-	2.445.546.364
Tài sản bộ phận	789.704.954.030	87.611.041.294	213.709.005	877.529.704.329	-	877.529.704.329
Tài sản không phân bổ				76.113.080.166	-	76.113.080.166
Tổng tài sản	789.704.954.030	87.611.041.294	213.709.005	953.642.784.495	-	953.642.784.495
Nợ phải trả bộ phận	558.054.101.987	26.686.392.753	-	584.740.494.740	-	584.740.494.740
Nợ phải trả không phân bổ				15.708.132.077	-	15.708.132.077
Tổng nợ phải trả	558.054.101.987	26.686.392.753	-	600.448.626.817	-	600.448.626.817
Theo khu vực địa lý						
		Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
		VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài		3.896.252.513.144	597.704.603.482	4.493.957.116.626	-	4.493.957.116.626
Tài sản bộ phận		953.642.784.495	-	953.642.784.495	-	953.642.784.495
Tổng chi phí mua TSCĐ		2.445.546.364	-	2.445.546.364	-	2.445.546.364

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH VNS-Daewoo	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.347.304.495	257.861.869.015
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	1.370.615.499	1.179.410.069
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	108.493.278.240	74.072.228.933
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	97.679.427.824	147.514.059.288
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	-	3.831.716.955
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	754.736.245	1.552.440.970
- Công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung	6.769.391.266	398.599.622
- Công ty Cổ Phần Lưới thép Bình Tây	34.279.855.421	28.139.766.749
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	-	1.173.646.429
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.119.741.829.494	1.059.233.021.026
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	10.584.785.787	20.290.701.480
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	636.197.529.790	621.614.628.752
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	960.000.000	960.000.000
- Công ty Tôn Phương Nam	-	718.882.182
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	471.999.513.917	415.648.808.612
Chi trả cổ tức	40.916.995.000	35.071.710.000
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	40.916.995.000	35.071.710.000
Thu nhập từ lãi chậm trả	1.934.678.707	2.431.841.843
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	1.934.678.707	2.431.841.843



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ chiết khấu thanh toán, lãi ký quỹ	2.908.368.554	4.040.472.791
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	2.439.339.063	3.590.140.291
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	469.029.491	450.332.500
Nhận cổ tức	1.150.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	1.150.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	91.065.684.712	69.001.487.641
- Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	45.403.672.833	46.603.672.833
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	45.486.350.680	22.140.901.200
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	175.661.199	256.913.608
Ứng trước cho nhà cung cấp	-	240.544.942
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	-	240.544.942
Phải thu ngắn hạn khác	684.131.740	2.304.751.790
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	32.124.900	1.181.734.880
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	319.692.991	1.113.016.910
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	332.313.849	10.000.000
Ký cược, ký quỹ	7.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	-	-
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	45.443.378.832	17.932.044.007
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	16.465.310.218	17.932.044.007
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	28.978.068.614	-
Phải trả ký cược, ký quỹ	144.000.000	171.515.700
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	-	27.515.700
- Công ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây	144.000.000	144.000.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	3.061.774.655	2.692.539.000

1110
CÔNG T
KIỂM H
KIỂM
AS
KIỂM -

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thúy Hằng
Người lập





Lại Văn Quyền
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020





TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020
Chữ ký người đại diện theo pháp luật



A blue ink signature, consisting of several loops and a long horizontal stroke, written over the stamp.

TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Trí Nghĩa